PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

**TRƯỜNG MẦM NON SƯ LƯ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

ĐIỆN BIÊN - NĂM 2023

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

**TRƯỜNG MẦM NON SƯ LƯ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức danh, chức vụ | Nhiệm vụ | Chữ ký |
| 1 | Lò Thị Linh | Hiệu Trưởng | Chủ tịch HĐ |  |
| 2 | Nguyễn Thị Hằng | P. Hiệu Trưởng | Phó chủ tịch HĐ |  |
| 3 | Lò Thị Hoa | Chủ tịch công đoàn | Phó chủ tịch HĐ |  |
| 4 | Lò Thị Phượng | Tổ Phó chuyên môn | Thư ký HĐ |  |
| 5 | Quàng Thị Binh | Tổ trưởng chuyên môn | Ủy Viên HĐ |  |
| 6 | Lò Thị Phương Thư | Bí Thư đoàn thanh niên | Ủy Viên HĐ |  |
| 7 | Ly A Hạ | Nhân viên Kế toán | Ủy Viên HĐ |  |
| 8 | Bạc Thị Dung | Giáo viên - Thủ quỹ | Ủy Viên HĐ |  |
| 9 | Lò Thị Thương | Tổ Phó chuyên môn | Ủy Viên HĐ |  |
| 10 | Bùi Thị Miền | Giáo viên | Ủy Viên HĐ |  |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | 3 |
| Danh mục các chữ viết tắt (nếu có) | 5 |
| Bảng tổng hợp kết quả TĐG | 6 |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 8 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 14 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 14 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 17 |
| **I. TĐG tiêu chí mức 1,2 và 3** | 17 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 17 |
| **Mở đầu** | 17 |
| Tiêu chí 1.1 | 17 |
| Tiêu chí 1.2 | 19 |
| Tiêu chí 1.3 | 21 |
| Tiêu chí 1.4 | 23 |
| Tiêu chí 1.5 | 26 |
| Tiêu chí 1.6 | 28 |
| Tiêu chí 1.7 | 30 |
| Tiêu chí 1.8 | 32 |
| Tiêu chí 1.9 | 34 |
| Tiêu chí 1.10 | 36 |
| **Kết luận về tiêu chuẩn 1** | 39 |
| **Tiêu chuẩn 2**: **Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ** | 39 |
| **Mở đầu** | 39 |
| Tiêu chí 2.1 | 40 |
| Tiêu chí 2.2 | 45 |
| Tiêu chí 2.3 | 45 |
| **Kết luận về tiêu chuẩn 2** | 46 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 47 |
| **Mở đầu** | 47 |
| Tiêu chí 3.1 | 48 |
| Tiêu chí 3.2 | 50 |
| Tiêu chí 3.3 | 52 |
| Tiêu chí 3.4 | 54 |
| Tiêu chí 3.5 | 56 |
| Tiêu chí 3.6 | 58 |
| **Kết luận về tiêu chuẩn 3** | 60 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | 60 |
| **Mở đầu** | 60 |
| Tiêu chí 4.1 | 61 |
| Tiêu chí 4.2 | 63 |
| **Kết luận về tiêu chuẩn 4** | 65 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, CSGD trẻ** | 65 |
| **Mở đầu** | 65 |
| Tiêu chí 5.1 | 66 |
| Tiêu chí 5.2 | 68 |
| Tiêu chí 5.3 | 71 |
| Tiêu chí 5.4 | 73 |
| **Kết luận về tiêu chuẩn 5** | 75 |
| **II. TĐG tiêu chí mức 4** | 76 |
| **Tiêu chuẩn 1** | 76 |
| **Tiêu chuẩn 2** | 77 |
| **Tiêu chuẩn 3** | 78 |
| **Tiêu chuẩn 3** | 78 |
| **Tiêu chuẩn 4** | 78 |
| **Tiêu chuẩn 5** | 79 |
| **Tiêu chuẩn 6** | 80 |
| **Kết luận tiêu chí mức 4** | 80 |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | 83 |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | 84 |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chữ viết tắt** | **Chữ viết đầy đủ** |
| 1 | BGD&ĐT | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 2 | CBQL, GV, NV | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên |
| 3 | BĐDCMTE | Ban đại diện cha mẹ trẻ em |
| 4 | CB, GV, NV | Cán bộ, giáo viên, nhân viên |
| 5 | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 6 | CSGD | Chăm sóc giáo dục |
| 7 | ĐTNCSHCM | Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh |
| 8 | GDMN | Giáo dục mầm non |
| 9 | GV | Giáo viên |
| 10 | HĐTĐG | Hội đồng tự đánh giá |
| 11 | NV | Nhân viên |
| 12 | PGD&ĐT | Phòng giáo dục và đào tạo |
| 13 | QĐ | Quyết định |
| 14 | TĐG | Tự đánh giá |
| 15 | TTTCM | Tổ trưởng tổ chuyên môn |
| 16 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 17 | VSATTP | Vệ sinh an toàn thực phẩm |

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 4.2 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.4 |  | x | x | x |

**Kết quả:** Mức 1 đạt 25/25 tiêu chí

Mức 2 đạt 25/25 tiêu chí

Mức 3 đạt 5/19 tiêu chí

# **Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| **Ðạt** | **Không đạt** |  |
| Tiêu chí 1 |  | x |  |
| Tiêu chí 2 |  | x |  |
| Tiêu chí 3 |  | x |  |
| Tiêu chí 4 |  | x |  |
| Tiêu chí 5 | x |  |  |
| Tiêu chí 6 | x |  |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**Kết luận**: **Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Mầm non Sư Lư

Cơ quan chủ quản: PGD&ĐT huyện Điện Biên Đông

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Điện Biên | Họ và tên hiệu trưởng | Lò Thị Linh |
| Huyện/ quận/ thị xã/ thành phố | Điện Biên Đông | Điện thoại | 0364952848 |
| Xã/ phường/ thị trấn | Na Son | Fax |  |
| Đạt chuẩn quốc gia | Mức độ 1 | Website | <http://mnsưlupgddienbiendong.edu.vn> |
| Năm thành lập trường (theo QĐ thành lập) | 2003 | Số điểm trường lẻ | 6 |
| Công lập | x | Loại hình khác | Không |
| Tư thục |  | Thuộc vùng khó khăn | x |
| Dân lập |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm trẻ, lớp** | **Năm học 2019- 2020** | **Năm học 2020- 2021** | **Năm học 2021- 2022** | **Năm học 2022- 2023** | **Năm học 2023- 2024** |
| Số nhóm trẻ từ 3 tháng đến 12 tháng |  |  |  |  |  |
| Số nhóm trẻ từ 13 tháng đến 24 tháng |  |  |  |  |  |
| Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Số lớp mẫu giáo ghép 3- 4 tuổi | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 |
| Số lớp mẫu giáo 4- 5 tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số lớp mẫu giáo 5- 6 tuổi | 0 | 1 | 1 | 1 | 0 |
| Số lớp mẫu giáo ghép 3 -5 tuổi | 8 | 7 | 7 | 7 | 7 |
| Cộng | **11** | **12** | **12** | **12** | **10** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019- 2020** | **Năm học 2020- 2021** | **Năm học 2021- 2022** | **Năm học 2022- 2023** | **Năm học**  **2023- 2024** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | **11** | **12** | **12** | **12** | **10** |
| 1 | Phòng kiên cố | 4 | 6 | 6 | 6 | 6 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 7 | 6 | 6 | 6 | 4 |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 |
| 1 | Phòng kiên cố |  |  |  |  |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 |
| 3 | Phòng tạm |  |  |  |  |  |
| **III** | Khối phòng hành chính quản trị | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 1 | Phòng kiên cố |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 03 | 03 | 03 | 03 | 03 |
| 3 | Phòng tạm | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
| V | Các công trình khối phòng chức năng khác |  |  |  |  |  |
|  | Cộng | 22 | 23 | 23 | 23 | 22 |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a. Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| **Chưa đạt chuẩn** | **Đạt chuẩn** | **Trên chuẩn** |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 1 |  |  | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 |  |  | 1 |  |
| Giáo viên | 15 | 15 | 13 | 1 | 5 | 9 |  |
| Nhân viên | 3 | 1 | 3 | 2 | 1 | 0 |  |
| **Cộng** | **20** | **18** | **17** | **3** | **6** | **11** |  |

b. Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 18 | 17 | 16 | 16 | 15 |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 19,5 | 14,1 | 13,3 | 18,7 | 8,8 |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* |  |  |  |  |  |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)* | 16,3 | 12,2 | 10,1 | 13,3 | 8,7 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 7 | 6 | 6 | 4 | 4 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 1 |  |  |  | 1 |
| 7 | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học**  **2019-2020** | **Năm học**  **2020-2021** | **Năm học**  **2021-2022** | **Năm học**  **2022-2023** | **Năm học**  **2023-2024** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 219 | 218 | 204 | 186 | 170 |  |
| *- Nữ* | 114 | 117 | 106 | 91 | 77 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 219 | 218 | 204 | 186 | 170 |  |
| 2 | Đối tượng chính sách | 152 | 165 | 157 | 134 | 104 |  |
| 3 | Khuyết tật | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4 | Tuyển mới | 67 | 53 | 47 | 52 | 66 |  |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 219 | 218 | 204 | 186 | 170 |  |
| 6 | Bán trú | 219 | 218 | 204 | 186 | 170 |  |
| 7 | Tỷ lệ trẻ em/lớp | 15,8 | 18,3 | 17,4 | 14,9 | 14,9 |  |
| 8 | Tỷ lệ trẻ em/nhóm | 33,5 | 17,6 | 15,6 | 17,3 | 17 |  |
|  | Trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi |  |  |  |  |  |  |
| Trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi |  |  |  |  |  |  |
| Trẻ em từ 24 đến 36 tháng tuổi | 67 | 53 | 47 | 52 | 66 |  |
| Trẻ em từ 3 - 4 tuổi | 53 | 47 | 52 | 66 | 39 |  |
| Trẻ em từ 4 - 5 tuổi | 47 | 52 | 66 | 39 | 29 |  |
| Trẻ em từ 5 - 6 tuổi | 52 | 66 | 39 | 29 | 36 |  |
| 9 | Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ trẻ em 5 tuổi | | | | | | |
| Tỷ lệ (%) huy động trẻ em lứa tuổi mầm non 3-36 tháng | 67/79 = 84,8% | 53/71 = 74,6% | 47/68 = 69,1% | 52/74= 70,2% | 66/92 = 71,7% |  |
| Tỷ lệ (%) huy động trẻ 5 tuổi ra lớp | 52/52 = 100% | 66/66 = 100% | 39/39 = 100% | 29/29 = 100% | 36/36= 100% |  |
| Tỷ lệ (%) trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN | 52/52 = 100% | 66/66 = 100% | 39/39 = 100% | 29/29 = 100% | 36/36= 100% |  |
| Tỷ lệ (%) trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập | 1,9 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

1. **Các số liệu khác:** Không

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Năm học**   1. **2020** | **Năm học**  **2020-2021** | **Năm học**  **2021-2022** | **Năm học**  **2022-2023** | **Năm học**  **2023-2024** |
| 1 | Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ huy động trẻ em lứa tuổi MN tới trường | 75% | 77,5% | 80% | 85% | 85% |
| 2 | Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 3 | Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 4 | Tỷ lệ trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập | 100% |  |  |  |  |

**PHẦN II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ:**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường mầm non Sư Lư được thành lập năm 2011, được chia tách từ trường Mầm non Na Phát. Trường nằm trên địa bàn bản Sư Lư, xã Na son, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Khi mới thành lập trường, toàn bộ trường lớp là nhà tạm, chật hẹp, cơ sở vật chất nghèo nàn thiếu thốn. Năm 2014 nhà trường được đầu tư xây Khu trung tâm do nguồn vốn của dự án SOS. Đến năm 2017 trường tiếp tục được xây dựng thêm 02 phòng bán kiên cố. Đến tại thời điểm đánh giá nhà trường đã có đủ cơ sở vật chất.

Vị trí trung tâm trường và các điểm trường đặt ở khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương. Có đường giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ tới trường, có hệ thống phòng, chống, cháy, nổ hiện đại đảm bảo yêu cầu. Trường có tổng diện tích là 6700m2 trong đó diện tích phòng học là 25m2/phòng. Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, 06 điểm trường đều có tường lưới B40 bao quanh, có cổng và biển trường đúng quy định. Trường có 7 nhóm lớp có đầy đủ trang thiết bị, phòng làm việc, phòng chức năng, 100% cán bộ giáo viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ.

Với nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non năm học 2023 - 2024 nhà trường có 10 nhóm lớp với 170 trẻ, trong đó có 03 nhóm trẻ 24-36 tháng với 66 trẻ; 7 lớp mẫu giáo với 104 trẻ. 100% trẻ được ăn bán trú tại trường và học 2 buổi/ngày, được CSGD theo Chương trình GDMN sửa đổi do Bộ Giáo dục ban hành. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ hàng năm đạt trên 97%, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho 100% trẻ, có biện pháp can thiệp phục hồi cho 100% trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi, số trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi đến cuối năm còn dưới 5%. Nhà trường có tổng số 18 CBQL, GV, NV (trong đó có 02 đồng chí cán bộ quản lý, 15 giáo viên, 1 nhân viên). Nhà trường có 10/15 GV dạy giỏi các cấp (trong đó giỏi cấp trường 5 GV, giỏi cấp huyện 4 GV, cấp tỉnh 01 GV). Có 02 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng và các tổ chức đoàn thể khác có đầy đủ cơ cấu theo quy định. Đội ngũ CBQL, GV của trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tâm huyết với nghề, có tinh thần tự lực tự cường khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. GV tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ GDMN trong giai đoạn hiện nay. Trường có đội ngũ CBQL, GV, NV chưa đủ theo Điều lệ trường mầm non. 100% GV có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, GV dạy giỏi cấp huyện trở lên 5/15 đạt 33,3%. Chất lượng đội ngũ GV, chất lượng CSGD trẻ được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học.

Cơ sở vật chất của nhà trường đã được đầu tư xây dựng khá đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường đã được xây dựng kiên cố, trung tâm và điểm trường đều có tường rào xây kiên cố, bán kiên cố bao quanh. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học. Lớp học đủ diện tích cho trẻ hoạt động, thoáng mát về mùa hè ấm áp về mùa đông, sân chơi rộng rãi có đủ đồ chơi ngoài trời cho trẻ chơi. Có vườn cây của bé, được trồng các loại cây xanh, cây hoa, cây cảnh, cây ăn quả cho trẻ học tập, chăm sóc và trải nghiệm.

Chất lượng CSGD trẻ toàn diện là vấn đề mà nhà trường đặc biệt quan tâm. Từ khi thành lập tới nay nhà trường luôn chỉ đạo thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện các mặt thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, ngôn ngữ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp một của chương trình GDMN theo hướng đổi mới. Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động... Nhà trường đã tổ chức cho 100% số trẻ ăn bán trú tại trường, 100% trẻ học 2 buổi/ngày và chăm sóc - giáo dục theo chương trình Giáo dục mầm non do BGD&ĐT ban hành.

Chất lượng CSGD trẻ ngày một nâng lên năm sau cao hơn năm trước, nhà trường tổ chức nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hàng ngày trẻ được ăn đầy đủ chất dinh dưỡng đảm bảo cho trẻ vui chơi, học tập và phát triển. Được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe định kỳ, hàng năm giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng 10% so với đầu năm học. Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chính sách, chế độ cho trẻ theo quy định hiện hành, đặc biệt là chế độ hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi, chế độ hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh chính sách, quan tâm đến trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Vì vậy nhà trường luôn được các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương, nhân dân, học sinh tin tưởng, yêu quý và là địa chỉ tin cậy của phụ huynh.

Trong những năm qua, tập thể cô và trò nhà trường luôn cố gắng khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm giữ vững, nâng cao các điều kiện, tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Với truyền thống xây dựng và trưởng thành, nhà trường trong nhiều năm liền đã đạt nhiều thành tích thi đua khen thưởng như: Bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, Kiểm định chất lượng giáo dục mức 3; Từ năm 2019 đến 2023 trường liên tục đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến được UBND huyện Điện Biên Đông tặng Giấy khen, Tổ chức Công đoàn nhiều năm liên tục đạt công đoàn vững mạnh. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm đạt chi bộ trong sạch hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

**2. Mục đích tự đánh giá**

Mục đích của việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường, giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường. Từ đó có biện pháp điều chỉnh, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể CBQL, GV, NV về công tác đánh giá và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Quá trình đánh giá giúp công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và quy củ. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trước nhiệm vụ được giao.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quá trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Nhà trường đã tiến hành triển khai công tác tự đánh giá đến tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thành lập HĐTĐG gồm 10 đồng chí, hoạt động TĐG của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình mà BGD&ĐT hướng dẫn, gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG.

Bước 2. Lập kế hoạch TĐG.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo TĐG.

Bước 6. Công bố báo cáo TĐG.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG

HĐTĐG của nhà trường tiến hành theo phương pháp phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, cá nhân của nhà trường phối hợp thực hiện:

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá; thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả TĐG với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do BGD&ĐT ban hành; đánh giá mức độ nhà trường đạt được theo từng chỉ báo của tiêu chí.

Viết báo cáo tự đánh giá; tổ chức thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục gồm các thông tin chung, kết quả về điều tra thực trạng và các vấn đề khác nhằm hỗ trợ việc duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

Yêu cầu CB, GV, NV trong trường thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong báo cáo TĐG.

HĐTĐG làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất; mọi quyết định có giá trị khi ít nhất 2/3 số thành viên trong HĐTĐG nhất trí.

Công cụ đánh giá là Bộ tiêu chí gồm 5 Tiêu chuẩn, 25 tiêu chí theo Thông tư số 19/2018/QĐ-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng BGD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3**

**1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**

Trường mầm non Sư Lư có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; có Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV. Hàng năm, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng CSGD trẻ. Giáo viên các nhóm, lớp căn cứ vào kế hoạch của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn thực hiện chương trình của BGD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điểu chỉnh, bổ sung kịp thời. Đồng thời thực hiện phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV, NV đúng theo năng lực sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo các quyền lợi khác của nhà giáo theo quy định. Thực hiện quản lý hành chính và thường xuyên tổ chức, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động. Trường mầm non Sư Lư hằng năm đã xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các giai đoạn và cụ thể theo từng năm học về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với mục tiêu GDMN và các nguồn lực của nhà trường, định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện cho phù hợp. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong trường học, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Đảm bảo tốt an ninh trật tự, VSATTP, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của PGD&ĐT.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, sát với thực tế, phù hợp với các nguồn lực và điều kiện của nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ CBQL, GV, NV và trẻ em [H1-1.1-01].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao, hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường sát với tinh thần chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của nhà trường để triển khai các mục tiêu, giải pháp và được PGD&ĐT huyện Điện Biên Đông phê duyệt [H1-1.1-02].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường theo giai đoạn và theo từng năm học tới toàn thể CBQL, GV, NV trong Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động đầu năm học và được niêm yết trên bảng tin công khai để CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và nhân dân cùng biết [1.1-03].

**Mức 2:**

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn từ năm 2021- 2025 định hướng đến năm 2030 giao nhiệm vụ cho các thành viên có trách nhiệm chỉ đạo và phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến thực hiện phương hướng, chiến lược như: Hội đồng trường, chịu trách nhiệm QĐ về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường [H1.1-02]; [H1-1.1-04]

**Mức 3:**

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thông qua các cuộc họp định kỳ của Hội đồng trường [H1-1.1-04]. Tổ chức phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia lấy ý kiến của cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp cha mẹ trẻ em và của CBQL, GV thông qua hội nghị cán bộ viên chức, người lao động đầu năm [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn 2021-2026, định hướng đến năm 2030 và được cụ thể thành kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm phù hợp với mục tiêu GDMN, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm được PGD&ĐT phê duyệt và công khai niêm yết trên bảng tin của nhà trường. Hằng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

**3. Điểm yếu**:

Không.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tăng cường công tác truyền thông phổ biến và lấy ý kiến góp ý rộng rãi của chính quyền địa phương và toàn thể CB, GV, NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng để điều chỉnh, bổ sung kịp thời kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2026 tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục và định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương. | CBQL, GV | Kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học.  Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân. | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo. | Không |
| Tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ. Làm tốt công tác rà soát, đánh giá kết quả thực hiện, làm căn cứ để xác định phương hướng, mục tiêu chiến lược trong các năm học tiếp theo. | CBQL, GV | Kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học.  Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân. | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo. | Không |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**1.2. Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác**

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo về việc kiện toàn Hội đồng trường; năm học 2022-2023 Hội đồng trường được kiện toàn theo QĐ số: 2423/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Điện Biên Đông có 07 thành viên [H1-1.1-04]; các hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập theo quy định gồm: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 05 thành viên [H1-1.2-01]; hội đồng chấm sáng kiến với 05 thành viên [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm thi GV dạy giỏi cấp trường với 07 thành viên [H1-1.2- 03]; Hội đồng thẩm định Chương trình giáo dục nhà trường với 05 thành viên [H1-1.2- 04]; Hội đồng tư vấn chuyên môn gồm 05 thành viên [H1-1.2- 05]. Hội đồng tự đánh giá gồm 10 thành viên [H1-1.2- 06]; Hội đồng lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN gồm 04 thành viên [H1-1.2- 07]; Hội đồng lựa chọn đồ chơi học liệu gồm 05 thành viên [H1-1.2- 08].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 [H1-1.2-09]. Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và theo từng năm học [H1-1.1-07]; giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-04]. Hội đồng Thi đua khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với viên chức quản lý, GV, NV, trẻ em trong nhà trường [H1-1.2-01]; Hội đồng tư vấn chuyên môn gồm 05 thành viên [H1-1.2- 05]. Hội đồng tự đánh giá gồm 10 thành viên [H1-1.2- 06]; Hội đồng lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN gồm 04 thành viên [H1-1.2- 07]; Hội đồng lựa chọn đồ chơi học liệu gồm 05 thành viên [H1-1.2- 08].

Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá. Báo cáo tổng kết cuối năm [H1-1.2-09], hồ sơ hội đồng trường [H1-1.1-04]. Hội đồng Thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]

**Mức 2:**

Hoạt động của các hội đồng có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2- 03]; [H1-1.2- 04]; [H1-1.2-09].

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2- 09].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định; các Hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường.

**3. Điểm yếu:** Không

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| - Hội đồng trường tiếp tục giám sát, rà soát việc thực hiện các giải pháp để đạt các mục tiêu, chỉ tiêu hằng năm, đồng thời để điều chỉnh các mục tiêu, chỉ tiêu cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.  - Tiếp tục huy động sự đóng góp của các tổ chức trong và ngoài nhà trường, nhân dân trên địa bàn để xây dựng các chỉ tiêu phát triển nhà trường hàng năm.  - Thành lập Hội đồng tư vấn chuyên môn của trường giúp Hiệu trưởng thúc đẩy các hoạt động đổi mới công tác quản lý, các hoạt động chuyên môn của trường. | - CBQL, các tổ chức Đoàn thể. Đại diện chính quyền địa phương, cha mẹ trẻ.  - CBQL.  - CBQL | Kế hoạch, biên bản  Phân công nhiệm vụ, các QĐ thành lập.  QĐ | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.  Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.  Tháng 8 hàng năm |

**5. Tự đánh giá:Đạt mức 2**

**1.3 Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 18 công đoàn viên; có Ban chấp hành Công đoàn gồm 01 Chủ tịch và 02 ủy viên, 15 thành viên [H1-1.3-01]; có 01 chi Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm Bí thư chi đoàn và 9 đoàn viên [H1-1.3-02].

Hằng năm Công đoàn, ĐTNCSHCM hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn, Điều lệ ĐTNCSHCM giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục đề ra như: Phối hợp tổ chức các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ, các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quả [H1-1.2-05]; [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Trong những năm qua Công đoàn nhà trường. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá dưới sự chỉ đạo, kiểm tra trực tiếp của Chi bộ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.2-05].

**Mức 2:**

Nhà trường có Chi bộ độc lập gồm 05 đảng viên và có cơ cấu tổ chức theo quy định; chi bộ lãnh đạo nhà trường hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng [H1-1.3-03]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường luôn được đánh giá được hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và được Đảng ủy xã Na Son khen [H1-1.3-04].

Hằng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện việc huy động trẻ ra lớp, nâng cao chất lượng CSGD, tổ chức các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của GV và trẻ, các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.2-05].

**Mức 3:**

Hằng năm tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến Pháp, Pháp luật và thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm qua công tác phát triển Đảng của Chi bộ đạt kết quả cao, liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-04].

Các đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hằng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và mang lại hiệu quả cao trong quá trình hoạt động như: Phối hợp tổ chức các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của GV và trẻ, các hoạt động phong trào thể dục thể thao [H1-1.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ tổ chức, đoàn thể như: Chi bộ Đảng Cộng sản Việt nam, Công đoàn, TNCSHCM. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ xã Na Son. Chi bộ nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công đoàn, chi đoàn trường đều hoạt động tích cực và hiệu quả, là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu trong các hoạt động, đặc biệt là công tác chuyên môn và phong trào văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội giảng, đặc biệt là phong trào hiến máu nhân đạo, mái ấm tình thương.

**3. Điểm yếu:** Không

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Đ/K để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng; xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đảm bảo theo quy định, các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường.  Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường. | Chi bộ trường mầm non Sư Lư, các tổ chức đoàn thể. | Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động. | Trong các năm học 2023-2024 trong nhiệm kỳ. | Không dự kiến kinh phí |
| Tổ chức các buổi chuyên đề, lấy ý kiến thảo luận, đề xuất các ý tưởng đổi mới của các thành viên | Bí thư chi bộ, Chủ tich Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên | Các đảng viên, đoàn viên, Đoàn Thanh niên | Năm học 2023-2024 | Không dự kiến kinh phí |
| Phân công đảng viên giúp đỡ bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để kết nạp Đảng | Bí thư chi bộ | Các Đảng viên, Đoàn viên ưu tú | Năm học 2023-2024 | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**1.4. Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn gồm: tổ chuyên môn trung tâm với 07 GV, tổ chuyên môn cụm bản với 08 GV và 01 tổ văn phòng với 03 đồng chí [H1-1.4-03]. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có tổ trưởng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-04].

Hằng năm 02 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng, tuần. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ như: Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng theo quy định [H1-1.4-07]; tham gia đánh giá xếp loại viên chức quản lý, GV theo Chuẩn nghề nghiệp GV mầm non, đánh giá viên chức [H1-1.4-06].

**Mức 2:**

Hằng năm tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường và tình hình thực tế của tổ, đề xuất các chuyên đề thực hiện với ban giám hiệu nhà trường. Trong 5 năm tổ chuyên môn đã đề xuất xây dựng được nhiều chuyên đề, các tiết chuyên đề được xây dựng từ những đề xuất thực tế của GV, qua việc tổ chức các tiết chuyên đề để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho đội ngũ GV. Các chuyên đề tổ đã đề xuất trong năm học 2023-2024 như: Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; học tập cộng đồng dựa trên sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, chuyên đề giáo dục về giới; kỹ năng phòng chống thiên tai và tai nạn thương tích cho trẻ trong trường mầm non, tiếp tục thực hiện chuyên đề "Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh"; chuyên đề tăng cường tiếng Việt… Các chuyên đề được tổ chức thiết thực góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-05].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, được hiệu trưởng, phó hiệu trưởng định kỳ rà soát, kiểm tra theo từng tháng từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được kiểm tra và đánh giá có hiệu quả trong thực hiện các nhiệm vụ được giao [H1-1.4-07].

**Mức 3:**

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Hằng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch, triển khai thực hiện hiệu quả các chuyên đề đã đề xuất với nhà trường được hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đánh giá có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-05]; [H1-1.4-08].

**2. Điểm mạnh**

Hiện tại nhà trường có 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu và trưởng, có 02 tổ chuyên môn và  01 tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo tính khoa học, phù hợp với tình hình thực tế của từng tổ. Các tổ chuyên môn đề xuất và tổ chức thực hiện các chuyên đề, định kỳ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng theo quy định của Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ*.* Hằng tháng, các tổ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của từng tổ.

**3. Điểm yếu:** Không

**4. Kế hoạch cải tến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **ĐK để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo có thẩm quyền để bổ xung 01 đồng chí phó hiệu trưởng. | Hiệu trưởng | Hồ sơ quy trình bổ nhiệm |  | Không dự kiến kinh phí |
| Tiếp tục tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học.  Tiếp tục chỉ đạo đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động... | Phó hiệu trưởng, TTTCM, GV. | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn. | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |
| Các tổ chuyên môn chủ động tích cực hơn trong việc đề xuất nội dung sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường. | CBQL, tổ trưởng, các thành viên tổ chuyên môn, văn phòng. | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn. | Năm học 2023-2024 | Không dự kiến kinh phí |
| Kiểm tra đột xuất và định kỳ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của GV. | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Ban thanh tra nhân dân. | Kế hoạch kiểm tra nội bộ. | Năm học 2023-2024 | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**1.5. Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Trong các năm học vừa qua nhà trường có số lượng trẻ/lớp và trong mỗi lớp mẫu giáo, nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trong đó: Năm học 2019-2020 nhà trẻ: 02 nhóm/51 trẻ. Lớp mẫu giáo 3 đến 4 tuổi tổng số 01 lớp/14. Lớp mẫu giáo 3-5 tuổi tổng số 08 lớp/154 trẻ ; Năm học 2020-2021 nhà trẻ: 03 nhóm/53 trẻ. Lớp mẫu giáo 3 đến 4 tuổi tổng số 1 lớp/20 trẻ. Lớp mẫu giáo 5 tuổi tổng số 1 lớp/19 trẻ. Lớp mẫu giáo ghép 3-5 tuổi tổng số 7 lớp/126 trẻ; Năm học 2021-2022 nhà trẻ: 03 nhóm/47 trẻ. Lớp mẫu giáo 3 đến 4 tuổi tổng số 01 lớp/26 trẻ . Lớp mẫu giáo 5 tuổi tổng số 01 lớp/14 trẻ, Lớp mẫu giáo ghép 3-5 tuổi tổng số 7 lớp/ 117 trẻ; Năm học 2022-2023 nhà trẻ: 03 nhóm/52 trẻ. Lớp mẫu giáo ghép 3 - 4 tuổi tổng số 01 lớp/20. Lớp mẫu giáo 5 tuổi tổng 1 lớp/15. Lớp mẫu giáo ghép 3-5 tuổi tổng số 07 lớp/ 85 trẻ ; Năm học 2023-2024 nhà trẻ: 03 nhóm/66 trẻ. Lớp mẫu giáo ghép 3-5 tuổi tổng số 07 lớp/104 trẻ [H1-1.5-01].

100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-02].

Trong 5 năm Các nhóm, lớp mẫu giáo của nhà trường không có quá 02 trẻ em cùng một dạng khuyết tật: trong 5 năm gần đây năm học 2019-2020 nhà trường có 1 trẻ khuyết tật học hoà nhập tại trường [H1-1.5-03].

**Mức 2**:

Hằng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi: Năm học 2019-2020 có 11 nhóm lớp/219 trẻ; Năm học 2020-2021 có 12 nhóm lớp/218 trẻ; Năm học 2021-2022 có 12 nhóm lớp/204 trẻ; Năm học 2022-2023 có 12 nhóm lớp/186 trẻ; Năm học 2023-2024 có 10 nhóm lớp/170 trẻ, trong đó có 07 lớp ghép [H1-1.5-01]; [H1-1.2-05].

**Mức 3:**

Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhóm trẻ, lớp mẫu giáo vượt quá theo quy định cụ thể: Năm học 2019-2020 có 11 nhóm lớp/219 trẻ; Năm học 2020-2021 có 12 nhóm lớp/218 trẻ; Năm học 2021-2022 có 12 nhóm lớp/204 trẻ; Năm học 2022-2023 có 12 nhóm lớp/186 trẻ; Năm học 2023-2024 có 10 nhóm lớp/170 trẻ, trong đó có 07 lớp ghép, số trẻ được tổ chức theo nhóm, lớp đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm nhà trường có số lượng trẻ em trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định. 100% trẻ các nhóm, lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Năm học 2019-2020 nhà trường huy động được 100% trẻ khuyết tật tham gia học hòa nhập và được bố trí hợp lý, được chăm sóc, giáo dục theo kế hoạch, có sự tiến bộ trong quá trình học hòa nhập tại trường. Nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

**3. Điểm yếu:** Do đặc điểm phân bố của dân cư ở địa phương tính đến thời điểm hiện tại nhà trường có 7 lớp mẫu giáo ghép

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Xây dựng kế hoạch phương hướng chiến lược phát triển nhà trường và giao chỉ tiêu huy động trẻ cho từng GV đảm bảo số trẻ em/lớp mẫu giáo đơn theo quy định. Tích cực hơn nữa trong công tác tham mưu, sắp xếp trường lớp đảm bảo các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi. | Hiệu trưởng | Dân số trẻ trên địa bàn; cơ sở vật chất, đội ngũ GV đủ theo quy định | Năm học 2023-2024 | Không dự kiến kinh phí |
| Tăng cường tuyên truyền cho trẻ học đúng tuyến tại các điểm trường bằng các hình thức: tuyên truyền qua các buổi họp Hội đồng nhân dân xã, các buổi họp cha mẹ trẻ, qua trưởng thôn đội bản tuyên truyền tới cha mẹ cho trẻ học tại ở các điểm trường, để đảm bảo đủ số lượng trẻ ở điểm trường, giảm lớp mẫu giáo ghép, bố trí sắp xếp phù hợp cho trẻ học theo độ tuổi đúng quy định. | CBQL, GV, cha mẹ trẻ | Kế hoạch thực hiện nhệm vụ năm học.  Kế hoạch giáo dục trẻ em.  Phân công nhiệm vụ hàng năm | Trong các năm học tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

**1.6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**Mức 1:**

Nhà trườngcó các loại hồ sơ sổ sách theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ gồm: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]. Hồ sơ quản lý GV, NV (Hồ sơ quản lý nhân sự) [H1-1.6-01]; kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2023-2024 [H1-1.1-02]; hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.6-02]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, [H1-1.6-03]; hồ sơ quản lý các văn bản [H1-1.6-04].

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đảm bảo nguyên tắc tài chính, thực hiện việc lập dự toán, quyết toán, báo cáo tài chính vào cuối năm [H1-1.6-03]; công khai minh bạch trên bảng tin, website và trên hệ thống gmail, zalo chung của nhà trường [1.1-03]. Định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản 2 lần/năm [H1-1.6-03]; Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật vào tháng 01 hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [1-1.6-06].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục [H1-1.6-03].

**Mức 2:**

Trong các năm học qua nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet [1.6-07], sử dụng phần mềm Misa phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản [1.6-08].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường được PGD&ĐT kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản [H1-1.6-03].

**Mức 3:**

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn đã đề nghị PGD&ĐT xây dựng kế hoạch giao ngân sách nhà nước để nhà trường hoạt động phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật; định kỳ trong năm học kiểm tra rà soát để kịp thời tu sửa và đề xuất với PGD&ĐT mua cấp bổ sung [H1-1.6-03]. Nhà trường quản lý, sử dụng các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp để chi thực hiện chế độ chính sách cho Viên chức quản lý, GV, NV và trẻ, tu sửa cơ sở vật chất trường, lớp, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học. Khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ và sử dụng có hiệu quả hệ thống hồ sơ phục vụ hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật lưutrữ. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định, phù hợp với tình hình của trường; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản; Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến năm 2023, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp; khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị để phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu:** nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, tuy nhiên trong kế hoạch chưa thể hiện cụ thể các giải pháp để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và địa .

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Chỉ đạo quản lý, lưu trữ hệ thống hồ sơ sổ sách khoa học hơn, ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài sản, cơ sở vật chất, hàng năm thu thập lưu trữ minh chứng về hồ sơ sổ sách. | Viên chức quản lý, GV, NV | Hệ thống hồ sơ sổ sách nhà trường. | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo |
| Duy trì và làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động CSGD. | Viên chức quản lý, kế toán, tổ chuyên môn, tổ văn phòng | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, số lượng GV, trẻ em, cơ sở vật chất. | Năm học 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo |
| Hàng năm xây dựng kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng CSGD trẻ. | Hiệu trưởng, kế toán. | Cha mẹ trẻ, các đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, trẻ em, cơ sở vật chất. | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo |
| Nhà trường cần thực hiện xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với thực tế của nhà trường, địa phương, bồi dưỡng nâng cao sử dụng phần mềm quản lý tài chính tài sản đáp ứng được ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản. | Hiệu trưởng, kế toán | Hiệu trưởng , kế toán | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo |

**5. Tự đánh giá:Đạt mức 2.**

**1.7. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV;*

*b) Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV theo năm học trong đó đề ra các biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.4-05].

Hằng năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-01].

100% CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 27, 28, 29 Điều lệ trường mầm non như: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng CSGD trẻ, được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn (có 4 GV đang theo học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuẩn), được hưởng lương phụ cấp và các chế độ khác theo quy định, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ (được khám sức khỏe định kỳ), chính sách quy định, được bảo vệ nhân phẩm danh dự và được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật, được tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự, thân thể, tự chủ về chuyên môn, được khen thưởng tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật được quy định tại Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của BGD&ĐT ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-05].

**Mức 2:**

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như: Phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của từng người; tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo. Nhà trường tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: Tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ...Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.7-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chỉ đạo chuyên môn, kế hoạch chuyên đề đưa ra các nhiệm vụ cụ thể cho việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV. Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực từng người, có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ CBQL, GV, NV trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. Thực hiện tốt các chế độ đối với CBQL, GV, NV. Được hưởng lương và các khoản phụ cấp, các chế độ khác theo quy định đảm bảo đầy đủ, kịp thời.

**3. Điểm yếu:** Không

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điêu kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sinh hoạt chuyên đề cho GV theo hướng nghiên cứu bài học có chất lượng. | CBQL, tổ trưởng, GV. | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn. | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho Viên chức quản lý, GV, NV theo quy định. | CBQL, GV. | Điều lệ trường mầm non. Các văn bản quy định chế độ chính sách cho Viên chức quản lý, GV, NV | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV, đạt hiệu quả cao. | CBQL, tổ trưởng. | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn. | Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá**: **Đạt mức 2**

**1.8. Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Mức 1:**

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào Văn bản số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021. Thông tư ban hành Chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng Chương trình Giáo dục của nhà trường, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động giáo dục phù hợp với nhận thức của trẻ, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.5-02].

Nhà trường chỉ đạo GV các nhóm, lớp xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp theo năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động CSGD trẻ theo quy định và có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương [H1-1.5-02].

Nhà trường, tổ chuyên môn định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp theo từng chủ đề [H1-1.2-05]. Kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp hằng tuần được các tổ trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách kiểm tra, phê duyệt [H1-1.5-02].

**Mức 2:**

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn kiểm tra đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng CSGD trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các hội thi, các cuộc giao lưu của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt kết quả cao như: Hội thi Bé khỏe - Bé ngoan, hội thi tiếng hát trẻ thơ, ngày hội thể thao của bé [H1-1.2-05] . [H1-1.8-01]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục sát với chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành, đảm bảo phù hợp với khả năng, năng lực của từng trẻ với điều kiện của lớp, của trường và địa phương, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả. Đồng thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời phù hợp với tình hình thực tế. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻđược cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả thông qua các hội thi, các cuộc giao lưu của trẻ.

**3. Điểm yếu: Không**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| CBQL tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chăm sóc giáo dục trẻ của đội ngũ nhà giáo | CBQL, tổ chuyên môn, GV. | Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn. | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |
| Tiếp tục thực hiện phát triển chương trình phù hợp với điều kiện của trường: Xây dựng chương trình phù hợp với bối cảnh địa phương. | CBQL, tổ chuyên môn, GV. | Kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch giáo dục trẻ. | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Tiếp tục xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất, kịp thời tư vấn, thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch giáo dục của GV tại các nhóm lớp. | CBQL, TTTCM, GV cốt cán. | Phương hướng phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch kiểm tra nội bộ. | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá:Đạt mức 2**

**1.9. Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

*a) CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

1. **Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Hằng năm CBQL, GV, NV trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động đầu năm về các vấn đề: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường, quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-07]; [H1-1.9-01].

Nhà trường luôn thực hiện các chế độ chính sách theo quy định như: Chi trả đúng, đủ, kịp thời lương và các khoản phụ cấp khác cho Viên chức quản lý, GV, NV. Trong 5 năm gần đây không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ảnh của CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường[H1-1.3-01]; [H1-1.2-05].

Hằng năm nhà trường báo cáo kịp thời về PGD&ĐT về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị [H1-1.9-01].

**Mức 2:**

Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả lên website của nhà trường hiệu quả như: Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát việc thực hiện công khai chất lượng CSGD, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, công tác Đảng, các nội dung liên quan đến chế độ chính sách CBQL, GV, NV và kết quả xã hội hóa giáo dục [H1-1.9-02]. Mặt khác nhà trường công khai trên bảng tin, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường về các hoạt động của trường để nhân dân theo dõi, giám sát [H1-1.1-03], trung tâm và các điểm trường lẻ có cha mẹ trẻ em giám sát công tác bán trú, thực hiện chế độ sinh hoạt của trẻ, quy trình giao nhận thực phẩm, các chế độ chính sách của trẻ [H1-1.9-01].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm CBQL, GV, NV trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, các nội quy, quy chế của nhà trường. Trong 5 năm gần đây nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Hằng năm nhà trường báo cáo kịp thời về PGD&ĐT về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Nhà trường có biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch các hoạt động của nhà trường mang lại hiệu quả rõ rệt như: Chất lượng CSGD trẻ, chất lượng đội ngũ, công tác quản lý chỉ đạo của nhà trường.

**3. Điểm yếu:** Không

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Thực hiện công tác dân chủ, công khai minh bạch. | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường. | Quy chế dân chủ, bảng công khai, trang Web của trường. | Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Lấy ý kiến dân chủ, bàn bạc của đội ngũ trong nhà trường trước khi thực hiện các nội dung phát huy quyền dân chủ của CBQL, GV, NV trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường. | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường. | Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế trường học. | Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải quyết. | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường. | Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế trường học. | Năm 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường tăng cường việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường. | Ban thanh tra nhân dân, hội đồng trường, nhân dân trên địa bàn. | Quy chế hoạt động các đoàn thể, Quy chế dân chủ. | Năm 2023-2024. | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá:****Đạt mức 2**

**1.10. Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; VSATTP; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường;ánh của người dân; đảm bảo an toàn*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) CBQL, GV, NV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; VSATTP; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án, kế hoạch như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án VSATTP [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; phương án phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-04]; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; kế hoạch, phương ánphòng chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-07]. Nhà trường tổ chức bếp ăn cho trẻ và đã ký bản cam kết đảm bảo VSATTP với nhà cung ứng thực phẩm [H1-1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng số 0325793010 để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của Viên chức quản lý, GV, NV, cha mẹ trẻ em, của người dân và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường [1.10-09].

Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có Viên chức quản lý, GV, NV nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-05].

**Mức 2**:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và trẻ em thực hiện các phương án như: Kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án VSATTP; Phương án phòng chống tai nạn thương tích; Phương án an toàn, phòng chống cháy nổ (phòng cháy chữa cháy); Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Kế hoạch, phương ánphòng chống dịch bệnh; kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn, qua hệ thống bảng công khai, tuyên truyền của nhà trường, phối hợp với Công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.10-10]. Hàng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, bảo vệ được tham gia lớp tập huấn về phòng chống cháy nổ do PGD&ĐT tổ chức [H1-1.10-11]. Hàng năm nhà trường triển khai tập huấn cho Viên chức quản lý, GV, NV về công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.2-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả như: thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp. Trong các năm học không có hiện tượng bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.2-05]. Trường nhiều năm liền được UBND huyện Điện Biên Đông công nhận trường an toàn phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-12].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các kế hoạch, phương án theo quy định. Các phương án được triển khai và hướng dẫn toàn thể CBQL, GV, NV và trẻ, thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường, phương án phòng chống cháy nổ, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Có hộp thư góp ý, đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường; Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có Viên chức quản lý, GV, NV nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng bạo lực học đường trong nhà trường. Trường nhiều năm liền được UBND huyện Điện Biên Đông công nhận trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

**3. Điểm yếu: Không**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. | CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ, nhân dân trên địa bàn. | Các loại Phương án, kế hoạch thực hiện, cơ sở vật chất. | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |
| Giao nhiệm vụ cụ thể cho bảo vệ tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học, GV chủ nhiệm các lớp để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. | Hiệu trưởng | NV bảo vệ, GV | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |
| Phối kết hợp chặt chẽ với công an xã trên địa bàn để đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường. | CBQL, GV, NV trong trường | Công an xã | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |
| Tiếp tục mua sắm bổ sung thiết bị phòng cháy, chữa cháy | Hiệu trưởng | GV, NV | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | 3.000.000 |
| Tiếp tục đăng ký tập huấn cho CBQL, GV, NV về cách phòng cháy, chữa cháy để kịp thời xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra. | Hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng, GV, nhân viên | Học kỳ II năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá:****Đạt mức 2.**

**Kết luận** **về tiêu chuẩn 1:**

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026 và định hướng đến năm 2030 và được cụ thể hóa thành kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học. Có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định và Điều lệ của từng tổ chức.

Có Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Trường có 3 nhóm trẻ, 7 lớp mẫu giáo ghép. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, , hàng năm nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Hệ thống hồ sơ đầy đủ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ, hằng năm quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm 2023 không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản, nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, tuy nhiên chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV. Phân công, sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng CSGD trẻ đạt hiệu quả. Thực hiện tốt quy chế dân chủ và đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Tuy nhiên: Nhà trường trong các năm học vừa qua vẫn còn số lượng trẻ học lớp ghép tại một số điểm bản.

*Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 1: 10/10 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 10/10 tiêu chí;*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 2: 10/10 tiêu chí;*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 3: 0/05 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu**

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CSGD trẻ theo Chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, có trình độ đào tạo trên chuẩn, đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và có bằng trung cấp lý luận chính trị, có năng lực quản lý và có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo để thực hiện Chương trình GDMN. Đội ngũ CBQL, GV, NV đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm cán bộ quản lý trong nhà trường được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên được đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức khá trở lên; không có CBQL, GV, NV viên vi phạm các quy định của pháp luật. Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng**

*Mức 1*

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn cán bộ quản lý trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

*Mức 2*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn cán bộ quản lý ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định, được giáo viên nhân viên trong trường tín nhiệm.*

*Mức 3*

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn cán bộ quản lý ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn cán bộ quản lý ở mức tốt.*

1. **Mô tả hiện trạng**
2. Mức 1

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định. Hiệu trưởng Lò Thị Linh có thời gian công tác trong ngành GDMN 17 năm, hiệu trưởng có Bằng Đại học, có bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị và đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường. [H1-1.1-01]. Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hằng có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN 17 năm, được tuyển dụng năm 2006, được UBND huyện bổ nhiệm lại làm phó Hiệu trưởng trường mầm non Sư Lư tháng 11/2021, có trình độ đại học sư phạm mầm non, có bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị và đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-02].

Hằng năm hiệu trưởng được PGD&ĐT huyện Điện Biên Đông đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng đạt từ khá trở lên [H2-2.1-03].

Hằng năm cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè, bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp [H2-2.1-04].

Mức 2

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng có 02 năm được xếp loại khá, 1 phó hiệu trưởng có 02 năm được xếp loại khá theo chuẩn nghề nghiệp [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị, hằng năm được bồi dưỡng, tập huấn các lớp chính trị theo quy định. Trong quá trình công tác CBQL luôn được sự tín nhiệm của tập thể GV, NV trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-02]; [H2-2.1-04].

Mức 3

Trong 02 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng được PGD&ĐT huyện Điện Biên Đông đánh giá xếp loại theo Chuẩn Hiệu trưởng xếp loại khá,1 phó hiệu trưởng có 02 năm được xếp loại khá [H2-2.1-03].

1. **Điểm mạnh**

2/2 CBQL đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý giáo dục; có bằng trung cấp lý luận chính trị và nhiều năm liên tục công tác trong ngành giáo dục mầm non. Hằng năm CBQL đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ và chính trị. 02 năm hiệu trưởng được phòng GD&ĐT đánh giá theo Chuẩn hiệu trưởng xếp loại khá, 1 Phó hiệu trưởng có 2 chuẩn nghề nghiệp xếp loại khá, CBQL có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành tốt các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu:** Không

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục để được đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường | Kế hoạch học tập, bồi dưỡng | Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Đi thăm quan học tập kinh nghiệm các trường điểm để nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý chỉ đạo. | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường | Kế hoạch  của PGD&ĐT | Trong năm  học 2023-2024 và các  năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |

1. **Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

*Mức 1*

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

*Mức 2*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Năm học 2-23-2024 nhà trường có 15GV/10 nhóm lớp, đảm bảo đủ về số lượng, bố trí hợp lý về cơ cấu đáp ứng thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của BGD&ĐT về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-01].

93,3% GV của nhà trường có bằng tốt nghiệp từ Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, trong đó trên chuẩn là 9/15 đạt 60%, đạt chuẩn là 5/15 đạt 33,3%, dưới chuẩn 01/15 đạt 6,7%, [H2-2.2-01].

Hằng năm nhà trường có hơn 90% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên [H1-1.4-06].

Mức 2

Nhà trường có 60% GV trên chuẩn về trình độ đào tạo. Từ năm học 2019-2020 đến thời điểm đánh giá tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% GV được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có 56,2% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên[H1-1.4-06].

Từ năm 2019-2020 tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-05].

Mức 3

Tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo 9/15 đạt 60%. đạt chuẩn là 05/15 đạt 33,3%, dưới chuẩn 01/15 đạt 6,7%.[H1-1.2-05].

Trong 5 năm qua nhà trường thực hiện tốt công tác đánh giá xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp GV mầm non. 100% GV nhà trường được xếp loại từ đạt trở lên, trong đó: Năm học 2019-2020 xếp loại tốt 5/18 đạt 28%, xếp loại khá 13/18 đạt 72%. Năm học 2020-2021 xếp loại tốt 4/17 đạt 23,5%, xếp loại khá 9/17 đạt 53%, xếp loại đạt 4/17 chiếm 23,5%. Năm học 2021-2022 xếp loại tốt 7/16 đạt 44%, xếp loại khá 9/16 đạt 56%, xếp loại đạt 0 chiếm 0%. Năm học 2022-2023 xếp loại tốt 5/16 đạt 31,2%, xếp loại khá 9/16 đạt 56,2%, xếp loại đạt 2/16 chiếm 12,5%.[H1-1.4-06].

**2. Điểm mạnh**

100% GV trong nhà trường đạt trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, tỷ lệ GV đạt trình độ đào tạo trên chuẩn đạt 60%. Hằng năm công tác đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp GV mầm non được triển khai và thực hiện nghiêm túc, 100% GV trong đơn vị được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**3. Điểm yếu:** Không

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác đánh giá xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp GV mầm non. Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. | CBQL,  GV | Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2016 quy định chuẩn nghề nghiệp GVMN. | Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của GV mầm non theo các tiêu chuẩn về chuẩn nghề nghiệp GV mầm non và bồi dưỡng thường xuyên GV mầm non | CBQL,  GV | Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2016 quy định chuẩn nghề nghiệp GVMN | Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Tăng cường tự học tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho GV. | GV | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng năm. | Năm học 2023-2024 và năm học tiếp theo. | Không |

1. **Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

*Mức 1*

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do cán bộ quản lý phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn hành các nhiệm vụ được giao.*

*Mức 2*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3*

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có đủ NV theo quy định gồm có: 01 NV kế toán; 01 NV y tế , 1 NV thủ quỹ (giáo viên kiêm nhiệm); 02 NV hợp đồng nấu ăn ngắn hạn xong chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn; các NV trong nhà trường

đều có kiến thức, trình độ đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ [H2-2.3-01]; [H1-1.6-01].

Các NV trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng người: NV kế toán thực hiện các nhiệm vụ về công tác tài chính- kế toán của nhà trường, lập chứng từ thu ăn bán trú, thu-chi nguồn ngân sách nhà nước, chế độ trẻ em, thu-chi nguồn thỏa thuận, các nguồn xã hội hóa giáo dục; NV y tế thực hiện nhiệm vụ y tế trường học tại đơn vị trường theo quy định; NV văn thư - thủ quỹ thực hiện việc cập nhật các văn bản đi đến, lưu trữ đầy đủ các hồ sơ theo quy định; NV nấu ăn thực hiện việc nấu ăn cho trẻ tại các điểm trường theo đúng thực đơn xây dựng và đảm bảo công tác VSATTP; các nhân viên trong đơn vị thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công [H1-1.2-05]; [H1-1.7-01].

NV trong nhà trường thực hiện nghiêm túc đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trương và hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-03].

Mức 2

Nhà trường có 4NV, kể cả NV biên chế và hợp đồng, đủ số lượng NV theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/3/2015 của BGD&ĐT và BNV quy định về danh mục khung vị trí việc làm để thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị [H1-1.6-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% NV trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có NV bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3

Đội ngũ NV có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: NV kế toán có trình độ cao đẳng, NV y tế trình độ trung cấp, NV nấu ăn chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn [H2-2.3-01].

Hàng năm các NV trong nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm tại đơn vị được phân công [H2-2.1-04]; [H1-1.6-01]; [H2-2.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng NV đáp ứng theo yêu cầu vị trí việc làm. NV kế toán có bằng tốt nghiệp đại học.NV y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp điều dưỡng, NV nấu ăn được khám sức khỏe hàng năm, được tham gia tập huấn về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Hàng năm NV kế toán, NV y tế, NV bảo vệ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% NV thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu:** Hiện tại nhà trường thiếu NV thủ quỹ những vị trí này đang được giáo viên kiêm nhiệm, nhân viên nấu ăn chưa có đủ chứng chỉ nghề nấu ăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Xây dựng đề án vị trí việc làm tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện bổ sung thêm 01 NV y tế, 1 NV văn thư, thủ quỹ đảm bảo đủ định mức số lượng. | CBQL | Đề án vị trí việc làm | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |
| Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho NV tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề: NV y tế tập huấn về công tác y tế học đường, NV nấu ăn bồi dưỡng kiến thức VSATTP, NV kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán. | NV | Kế hoạch bồi dưỡng hằng năm của PGD&ĐT | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Kết luận tiêu chuẩn 2**

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng nhà trường có thời gian công tác lâu năm trong ngành GDMN, đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, có trình độ trung cấp lý luận chính trị và đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực trong quản lý trường mầm non, nắm vững chương trình GDMN, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý, chỉ đạo, điều hành tại đơn vị. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được PGD&ĐT đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

Nhà trường có đủ số lượng GV theo quy định, 93,3% GV trong đơn vị đạt trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ GV đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo là 60%. Hằng năm đội ngũ GV được đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV mầm non theo đúng quy định. Số lượng NV đủ theo quy định và được phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Đội ngũ NV trong nhà trường có kiến thức, trình độ để thực hiện tốt các nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm.

Tuy nhiên Nhà trường còn Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng chưa được xếp loại Tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, còn thiếu NV y tế, văn thư-thủ quỹ;

*Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 2: 3 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1,2: 3/3 tiêu chí*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 3:0 tiêu chí*

*+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

**Tiêu chuẩn 3**: **Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**

Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ CSGD trẻ. Chính vì lẽ đó trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất, tham mưu để được bổ sung thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường xây bao quanh và hàng rào lưới B40 ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống thoát nước hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Có đủ các phòng sinh hoạt chung, phòng giáo dục nghệ thuật, khu giáo dục thể chất, Văn phòng trường, các khối phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng bán kiên cố và được vận hành đúng theo quy trình “bếp một chiều”. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ em. Có đủ các loại phòng thuộc khối phòng hành chính - quản trị với các thiết bị đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc.

**Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

*Mức 1*

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

*Mức 2*

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

*Mức 3*

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do BGD&ĐT ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Trường có tổng diện tích đất 6700m2, Trung tâm trường có tổng diện tích đất 2700 m2, điểm trường Co Hả có tổng diện tích đất 385 m2, điểm trường Bản Bó có tổng diện tích đất 430m2,điểm trường Pá Chuông có tổng diện tích đất 420m2 , điểm trường Hò Cớ có tổng diện tích đất 574m2, điểm trường Trung Phu có tổng diện tích đất 1720 m2, điểm trường Tìa Ló có tổng diện tích đất 471 m2, [H3-3.1-01].

Trung tâm và 6 điểm trường đều có cổng, biển tên trường theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non. Trung tâm trường có tường bao bao quanh kiên cố, 6/6 điểm trường có hàng rào, thép B40 bao quanh đảm bảo an toàn. Trường có khuôn viên thoáng mát đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [3.1-02].

Trường có 07/07 điểm trường đều có sân chơi với tổng diện tích 250m2 bình quân 1,5m2/trẻ, hiên chơi đón trẻ và hành lang cho các nhóm thuận tiện cho việc đưa, đón sinh hoạt của trẻ khi trời mưa, nắng. Sân chơi chung được lắp đặt các thiết bị và 5 loại đồ chơi ngoài trời theo quy định, đảm bảo an toàn cho trẻ tất cả trẻ được sử dụng. Trung tâm và các điểm trường được trồng cây xanh tạo bóng mát cho trẻ hoạt động vui chơi khi ở trường [3.1-03].

Mức 2

Tại thời điểm đánh giá nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế khu đất của nhà trường mầm non cụ thể: Diện tích xây dựng công trình là 1395,1m²/6700m². Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, bãi tập): 5304,9m²/6700m² [H3-3.1-04].

Khuôn viên trường đều có tường bao và hàng rào B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập: Khu trải nghiệm của bé, bé chơi với cát và nước, góc địa phương... [3.1-05].

Khu vực trẻ em chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012 Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non [H1-1.6-03]; khu vực trẻ chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có tường, hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn ngăn cách với bên ngoài [3.1-03]; [3.1-05]; [3.1-06].

Mức 3

Sân chơi có khu vực hoạt động riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do BGD&ĐT ban hành [3.1-03]; [H1-1.6-03], hàng năm có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục của GV tự làm phù hợp với thực tế, có tính thẩm mỹ cao và đảm bảo an toàn cho trẻ em [H3-3.1-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho trẻ đảm bảo theo quy định. Trường có đầy đủ: Cổng, biển tên trường. Khuôn viên trường có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời tự tạo đảm bảo từ 5 loại trở lên. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Các thiết bị và đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

**3. Điểm yếu:** Không.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường lập tờ trình trình PGD&ĐT để có cơ sở phối hợp với phòng Tài nguyên Môi trường huyện, báo cáo UBND huyện, UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho điểm Điểm Trung Tâm, Tìa Ló, Trung Phu, Hò Cớ, Pá Chuông. | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, PGD&ĐT, UBND huyện Điện Biên Đông, UBND tỉnh, phòng Tài nguyên Môi trường huyện | Tờ trình | Năm học 2023- 2024 | Không dự kiến kinh phí |
| Nhà trường tiếp tục sử dụng có hiệu quả diện tích đất ở trung tâm và các điểm trường để thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ; thường xuyên sửa chữa, bổ sung đồ dùng đồ chơi cho các khu vui chơi của trẻ; bảo quản, sử dụng có hiệu quả các thiết bị và đồ dùng đồ chơi ngoài trời hiện có | Hiệu trưởng,  Phó hiệu trưởng, GV, NV nhà trường | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |
| Nhà trường có kế hoạch tham mưu cấp trên đầu tư xây dựng tường bao kiến cố tại các điểm trường cho nhà trường; Làm tốt công tác xã hội hóa huy động nhân dân, cha mẹ học sinh làm bổ sung Đồ dùng đồ chơi ngoài trời cho trẻ. | Hiệu trưởng,  Phó hiệu trưởng, kế toán, giáo viên | Kế hoạch, Tờ trình | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | 500.000.000.000 đồng |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

**Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập**

*Mức 1*

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng giáo dục nghệ thuật, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

*Mức 2*

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

*Mức 3*

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Hằng năm, nhà trường bố trí đủ số phòng cho các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục các độ tuổi. Năm học 2023-2024 nhà trường có tổng số 10 phòng/10 nhóm, lớp, trong đó 03 phòng/3 nhóm trẻ 24-36 tháng tuổi, 07 phòng học/7 lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi, [3.2-01].

Các phòng học là phòng sinh hoạt chung và là nơi tổ chức ăn, ngủ đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Khu giáo dục thể chất có đầy đủ đồ dùng phục vụ hoạt động giáo dục thể chất. Phòng giáo dục nghệ thuật có lịch, nội quy hoạt động cụ thể, trẻ được duy trì học thường xuyên 01 buổi/tuần, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị phục vụ cho hoạt động như gương áp tường, gióng múa, tủ đựng trang phục, trang phục biểu diễn, dụng cụ, đàn Organ của giáo viên đảm bảo theo quy định [3.2-01]; [3.1-06].

Nhà trường bố trí 03/03 phòng đủ cho nhóm trẻ, có hệ thống điện chiếu sáng, quạt được trang bị ở các phòng học đảm bảo, có tủ đựng hồ sơ và các trang thiết bị dạy học cho cô và trẻ hoạt động theo quy định và được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 2

Nhà trường có 10 phòng sinh hoạt chung, diện tích 295 m²/170 trẻ = 17,3 m²/trẻ. Các phòng đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, đảm bảo ấm áp về mùa đông, có đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ. Phòng giáo dục thể chất với diện tích 30m² có đủ thiết bị đồ dùng theo quy định, phòng giáo dục nghệ thuật với diện tích 30m² có đầy đủ thiết bị như đàn, gương, gióng múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc. [3.2-01].

10/10 nhóm lớp có đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu ở tất cả các nhóm, lớp và các phòng chức năng đủ đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [3.1-06] [ 3.2-01] [H3-3.2-03].

Mức 3

Nhà trường có phòng giáo dục nghệ thuật sử dụng tổ chức các hoạt động âm nhạc, có đầy đủ đồ dùng như gương áp tường, gióng múa, tủ đựng trang phục, dụng cụ, đàn Organ để phục vụ hoạt động cho trẻ làm quen với âm nhạc. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [3.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ phòng học. Các phòng sinh hoạt chung có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, có phòng kho để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 khu phát triển vận động để tổ chức cho trẻ hoạt động thể chất, nghệ thuật đáp ứng được nhu cầu để tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu:**

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và phòng tin học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học, làm tốt công tác tham mưu với cấp trên bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường.  Thành lập đoàn kiểm tra cơ sở vật chất và những thiết bị xuống cấp hoặc đảm bảo an toàn hằng năm vào những thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm. | Hiệu trưởng,  Phó hiệu trưởng | Kế hoạch kiểm tra | Năm học 2023-2024 | Không dự kiến kinh phí |
| Xây dựng kế hoạch theo lộ trình tham mưu xây dựng phòng giáo dục thể chất; phòng ngoại ngữ, tin học ở trung tâm. Phòng ngủ cho trẻ tại điểm bản. | Hiệu trưởng,  Phó hiệu trưởng, kế toán, GV, PGD&ĐT, các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp, nhà hảo tâm... | Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn; Kế hoạch vận động tài trợ theo giai đoạn | Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo | 1.500.000.000 đồng |

**5. Tự đánh giá**: **Đạt mức 2.**

**Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị**

*Mức 1*

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho CBQL, GV, NV được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

*Mức 2*

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho CBQL, GV, NV có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

*Mức 3*

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Nhà trường có các khối phòng hành chính-quản trị đủ theo quy định tại Nghị định 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 bao gồm: Văn phòng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng họp, hành chính quản trị, y tế, bảo vệ, nhân viên, nhà kho [3.3-01], khu để xe cho viên chức quản lý, GV, NV, 06 điểm trường chưa có khu để xe cho CB, GV, NV [3.3-02], khu vệ sinh cho cán bộ GV, NV [3.3-03].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, các bảng biểu, thiết bị cho viên chức quản lý, GV, NV họp và tổ chức các hoạt động khác; Phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; phòng họp có đủ bàn ghế đẻ họp, phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, có các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khoẻ cho trẻ; phòng hành chính quản trị; phòng bảo vệ, phòng dành cho NV có đồ dùng, thiết bị như: Bàn ghế, tủ đựng đồ dùng cá nhân cho viên chức quản lý, GV, NV [3.2-01]; [3.3-01].

Trung tâm trường có khu để xe cho CBQL, GV, NV được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự, xong còn thiếu tại 6 điểm trường Trung phu, hò cớ, Tìa ló, Pá chuông, Bản bó, Co hả.[3.3-02].

Mức 2

Văn phòng trường diện tích 30m2, Phòng họp diện tích 12m2. Phòng Hiệu trưởng diện tích 12m2, phòng phó Hiệu trưởng diện tích 12m2, phòng họp diện tích 12m2, phòng hành chính quản trị diện tích 12m2; phòng y tế diện tích 12m2, phòng bảo vệ diện tích 7m2, phòng dành cho NV diện tích 15m2, các phòng có đủ máy móc, thiết bị văn phòng, bàn ghế làm việc, tủ để đồ dùng; khu để xe tại trung tâm có diện tích 35 m2; Khu vệ sinh có diện tích 80m2 [3.3-01].

Nhà trường có khu để xe cho CBQL, GV, NV ở trung tâm trường, có mái che, đảm bảo an toàn, tiện lợi [3.3-02].

Mức 3

Số lượng các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng họp được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, phòng hành chính - quản trị; phòng dành cho NV; nhà kho có diện tích đảm bảo, khu vệ sinh dành cho viên chức quản lý, GV, NV được bố trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ trong nhà trường [3.2-01]; [3.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các phòng thuộc khối hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng họp; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho NV được đảm bảo về diện tích và thiết bị làm việc. Khu để xe cho viên chức quản lý, GV, NV ở trung tâm đảm bảo diện tích, thuận tiện và an toàn. Các phòng được bố trí, sắp xếp phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**: Nhà trường chưa có khu để xe tại 6 điểm trường Trung phu, hò cơ, Tìa ló, Pá chuông, Bản bó, Co hả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường.  Rà soát các hạng mục công trình, đối chiếu tỷ lệ hao mòn tài sản hàng năm để có kế hoạch nâng cấp cải tạo theo từng năm để duy trì và nâng cao cơ sở vật chất ở các mức. | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, | Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí | Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo. | Không dự kiến kinh phí |
| Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo, huy động kinh phí từ nguồn xã hội hóa, huy động nguồn nhân lực từ cha mẹ trẻ em, các đoàn thể trên địa bàn, dự án để làm khu để xe cho các điểm trường. | Hiệu trưởng | Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | 100.000.000  (Nguồn xã hội hóa giáo dục nhà trường) |

**5. Tự đánh giá:** **Đạt mức 2**

**Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn**

*Mức 1*

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về VSATTP;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

*Mức 2*

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

*Mức 3*

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Nhà trường có 05 bếp nấu ăn cho trẻ được xây dựng bán kiên cố ở Trung tâm và 1 số điểm trường. Tại 2 điểm Trung phu, Tìa nó còn là bếp tạm; Điểm trường Bản bó, Co hả chưa có bếp ăn ( trẻ mang cơm và nấu thức ăn tại điểm trung tâm, phụ huynh lấy thức ăn về điểm bản ) Tại điểm Trung tâm bếp được xây dựng vận hành theo quy trình 1 chiều có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn để phục vụ cho trẻ tại điểm trung tâm, Co hả, Bản bó [3.4-01].

Kho chứa lương thực và thực phẩm được sắp xếp và phân chia riêng biệt các loại thực phẩm: dầu ăn, nước mắm, đường, gia vị. Các loại lương thực được đựng bằng thùng có nắp đậy [3.4-02], đảm bảo các quy định về VSATTP [H3-3.4-03].

Có tủ 01 lạnh để lưu mẫu thức ăn, 06 điểm bản chưa có tủ lưu mẫu thức ăn, tủ lư mẫu tại điểm trung tâm đảm bảo vệ sinh sạch sẽ [3.4-04], thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ [H1-1.6-05].

Mức 2

Nhà trường có 05 bếp nấu ăn cho trẻ được xây dựng bán kiên cố ở Trung tâm và điểm trường; tại 2 điểm Trung phu, Tìa nó còn là bếp tạm.Tại điểm Trung tâm bếp được xây dựng vận hành theo quy trình 1 chiều có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn để phục vụ cho trẻ tại điểm trung tâm, Co hả, Bản bó [3.4-01]. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Bếp ga, nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về VSATTP... [3.4-06]. Nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy [3.4-07], có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hằng ngày và có thùng đựng rác đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định [3.4-08].

Mức 3

Nhà trường có 3/5 bếp ăn xây dựng bán kiên cố và 2/5 bếp tạm để nấu ăn cho trẻ tại khu vực trung tâm và các điểm trường, các bếp ăn thông thoáng, đủ ánh sáng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh. Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, bếp nấu ăn ở 04 điểm trường chưa được xây dựng theo quy trình 1 chiều [3.4-01]. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn, uống được làm bằng nhôm, inox dễ làm vệ sinh, không ô nhiễm, không có yếu tố độc hại, có phương tiện bảo quản thực phẩm [3.4-06]; [H3-3.1-06]. có hệ thống cung cấp nước sạch [3.4-08], có phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác được làm bằng vật liệu chắc chắn có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh [3.4-08].

**Điểm mạnh**

Nhà trường có 03/5 bếp ăn xây dựng bán kiên cố, 02/05 bếp tạm tại điểm bản để nấu ăn cho trẻ. Bếp ăn độc lập với khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi, thông thoáng, đủ ảnh sáng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng, đủ diện tích và hoạt động theo quy trình “bếp một chiều” tại trung tâm; có kho để dự trữ lương thực, thực phẩm được phân chia theo từng khu vực để thực phẩm riêng biệt. Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường thuận tiện cho việc vệ sinh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Trung tâm và các điểm trường lẻ có đủ nước phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh.

**3. Điểm yếu**: Bếp ăn tại 2 điểm bản Tìa Ló, Trung Phu còn là bếp tạm. 06 điểm trường chưa có tủ lưu mẫu thức ăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/ Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tiếp tục tu sửa bếp, thay thế và bổ sung, thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường mầm non đạt hiệu quả cao. | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng PGD&ĐT, cha mẹ trẻ | Kế hoạch phát triển nhà trường, tờ trình, công trình bếp ăn tập thể. | Năm học 2023-2024 | 100.000.000 (Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước) |
| Tham mưu với lãnh đạo cấp trên đầu tư kinh phí để sửa chữa bếp ăn tại các điểm bản. | Hiệu trưởng | Tờ trình | Năm học 2023-2024 | 500.000.000 (Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước) |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

*Mức 1*

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

*Mức 2*

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

*Mức 3*

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ em theo quy định tại Thông tư số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN [H1-1.6-03]; [H3-3.2-03].

Nhà trường phát động Hội thi “Tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ” cho đội ngũ giáo viên tham gia để phục vụ các hoạt động học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền , an toàn, kích thước phù hợp với trẻ [H3-3.1-07].

Hằng năm các thiết bị của nhà trường được kiểm kê, bàn giao định kỳ vào đầu năm và cuối năm học [H3-3.5-01] [H3-3.2-03] nhà trường thường xuyên kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động CSGD trẻ có hiệu quả tại các nhóm, lớp [H3-3.5-02].

Mức 2

Các máy tính trong nhà trường được kết nối Internet, wife phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-03].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, 10/10 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học, tuy nhiên do quá trình sử dụng lâu dài một số thiết bị đồ dùng đồ chơi đã hao mòn, xuống cấp niên hạn sử dụng thấp [H3-3.2-03].

Các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được bổ sung hằng năm qua các hội thi đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tự làm do nhà trường tổ chức. Mỗi năm bổ sung được 2 đồ dùng đồ chơi tự tạo trở lên ngoài danh mục và được GV sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1-07]; [H3-3.2-03].

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục tại các điểm trường, các nhóm, lớp được GV đã được đưa vào sử dụng thường xuyên. Tuy nhiên việc sử dụng đồ dùng đồ chơi chưa hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ em [H3-3.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm nhà trường tổ chức hội thi tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm, ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền, an toàn, kích thước phù hợp với trẻ, máy tính được kết nối Internet phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hằng năm nhà trường tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, cơ sở vật chất và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học đảm bảo tính khoa học. 100% các máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

**3. Điểm yếu**: Không.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tham mưu với các cấp bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi ngoài trời, và đầu kinh phí để bổ sung sửa chữa đồ dùng dạy học theo thông tư cho điểm Trung tâm và các điểm trường. | Hiệu trưởng, PGD&ĐT | Lập tờ trình xin cấp bổ sung đồ dùng đồ chơi ngoài trời. | Năm học 2023 – 2024 và các năm tiếp theo | 800.000.000đ  (PGD&ĐT) |
| Khuyến khích, động viên phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu cùng GV làm đồ dùng, đồ chơi đưa vào các hoạt động giáo dục trẻ, văn hóa địa phương vào nhà trường | GV, cha mẹ trẻ | Nguyên vât liệu làm đồ dùng, đồ chơi | Năm 2023-2024 | Không dự kiến kinh phí |
| Kiểm tra việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên. | CBQL, GV | Kế hoạch kiểm tra nội bộ. | Năm học 2023-2024 và năm học tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

**Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

*Mức 1*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho CBQL quản lý, GV NV đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

*Mức 2*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho CBQL, GV NV thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của BGD&ĐT và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Nhà trường có 07/07 nhà vệ sinh cho trẻ và 02 nhà vệ sinh của CB, GV, NV, 04/07 nhà vệ sinh được xây dựng đảm bảo diện tích, không bị ô nhiễm môi trường, thuận tiện cho trẻ sử dụng, có phòng vệ sinh riêng biệt cho trẻ nam và trẻ nữ có giấy vệ sinh, xà phòng rửa tay hợp quy cách với trẻ mẫu giáo, 03/07 nhà vệ sinh tại điểm: Co hả, Trung phu, tìa ló do được xây dựng từ lâu nên đã xuống cấp và hư hỏng, năm học 2023-2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật [3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường [3.6 -02], có bình gốm lọc nước, nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho viên chức quản lý, GV, NV và trẻ [3.4 -08]; [3.6 -03].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như: Có thùng đựng rác thải; có đầy đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy, chứa đựng rác tạm thời trong nhà trường; rác thải được thu gom hằng ngày và được vận chuyển tới nơi xử lý, dụng cụ đảm bảo thuận tiện cho việc vệ sinh [3.6 -04].

Mức 2

07/07 nhà vệ sinh cho trẻ và 02 nhà vệ sinh của CB, GV, NV, 04/07 nhà vệ sinh được xây dựng đảm bảo diện tích, không bị ô nhiễm môi trường, thuận tiện cho trẻ sử dụng, có phòng vệ sinh riêng biệt cho trẻ nam và trẻ nữ có giấy vệ sinh, xà phòng rửa tay hợp quy cách với trẻ mẫu giáo, 03/07 nhà vệ sinh tại điểm: Co hả, Trung phu, tìa ló do được xây dựng từ lâu nên đã xuống cấp và hư hỏng. Tổng diện tích các nhà vệ sinh cho trẻ là 140 m2, bình quân 0,82m2/trẻ. Nhà vệ sinh của trẻ được xây dựng phù hợp có phòng vệ sinh riêng cho trẻ trai, trẻ gái, (trẻ nhà trẻ: có vòi nước rửa tay, có nhà bô đủ ghế ngồi bô cho trẻ; trẻ mẫu giáo có vòi nước rửa tay đảm bảo, có tiểu nam, thùng chứa nước có nắp đậy an toàn). Phòng vệ sinh cho CBQL, GV, NV có phân chia nam và nữ [3.6-01].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ hệ thống nước tự nhiên, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của BGD&ĐT và Bộ y tế như: Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung, các điểm trường xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [3.6-02]; [3.6-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có 07 nhà vệ sinh cho trẻ và 02 nhà vệ sinh cho CBQL, GV, NV đảm bảo. Hệ thống nhà vệ sinh có nước sạch, thiết bị rửa tay, thùng đựng rác; hệ thống xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống nước đảm bảo hợp vệ sinh, nước sinh hoạt cung cấp đầy đủ cho quá trình sinh hoạt của trẻ và CBQL, GV nhà trường. Có đủ số lượng thùng đựng rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Khu vực xử lí rác thải của nhà trường cách xa lớp học và khu vực bếp.

**3. Điểm yếu:**

Nhà trường vẫn còn 3 điểm bản Co Hả, Trung Phu, Tìa Ló có nhà vệ sinh được xây dựng từ lâu đã hư hỏng, xuống cấp .

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa nhà vệ sinh tại các điểm trường. Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp trên địa bàn và các bậc phụ huynh ủng hộ để tu sửa. | CBQL, GV, PGD&ĐT, UBND xã, cha mẹ trẻ. | Kế hoạch, tờ trình, kinh phí. | Trong năm học 2023-2024. | 100.000.000 đồng |
| Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp, thoát nước. | CBQL, GV | Kế hoạch , kinh phí. | Trong năm học 2023-2024 | 20.000.000 đồng |
| Thực hiện thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Sử dụng nguồn nước đảm bảo theo quy định, thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường theo quy định chung. | Hiệu trưởng, GV, NV | Không | Năm 2023 -2024 và trong các năm học tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự giá đánh: Đạt mức 2.**

**Kết luận tiêu chuẩn 3**

Nhà trường được xây dựng kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập, các phòng học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Bếp ăn đủ với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP. Phòng vệ sinh cho GV, trẻ được xây dựng khép kín đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động CSGD trẻ của nhà trường. Tuy nhiên hàng rào tại 06 điểm trường là lưới thép B40. Một số đồ chơi ngoài trời của một số điểm trường là đồ chơi tự tạo đã cũ có niên hạn sử dụng ngắn; Nhà trường chưa có phòng ngủ riêng cho trẻ ở điểm trường, chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và phòng tin học, chưa có khu để xe tại 06 điểm trường; Do quá trình sử dụng một số thiết bị đồ dùng đồ chơi đã hao mòn, xuống cấp niên hạn sử dụng thấp. Các điểm trường chưa có nước máy, nguồn nước dùng chủ yếu là nước chảy tự nhiên. còn 3 điểm bản Co Hả, Trung Phu, Tìa Ló có nhà vệ sinh hư hỏng, xuống cấp, chưa đảm bảo theo quy định.

*Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 6 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 6/6 tiêu chí*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 2: 6/6 tiêu chí;*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 3: 0/5 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu:*

**Tiêu chuẩn 4:** **Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng CSGD trẻ, thì công tác phối hợp chặt chẽgiữa nhà trường, gia đình và xã hội giữ vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy trong những năm qua nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, tranh thủ sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội. Hằng năm nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em. Ban đại diện cha mẹ trẻ em chủ động phối hợp với nhà trường trong công tác tham mưu với cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, huy động các nguồn lực đóng góp kinh phí và hiện vật để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ**

*Mức 1*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

*Mức 3*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường, lớp được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng BGD&ĐT [H4-4.1-01],

BĐDCMTE có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học. Một số hoạt động trọng tâm, đem lại hiệu quả cao như: Tổ chức trải nghiệm qua các Hội thi Bé khỏe - Bé ngoan, Tiếng hát trẻ thơ; [H4-4.1-03]; [H1-1.2-05].

BĐDCMTE có kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ đưa ra các biện pháp phối kết hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục như: Xây dựng kế hoạch hoạt động và quy chế hoạt động của BĐDCMTE, phối hợp kết với nhà trường tổ chức họp phụ huynh học sinh từ 1-2 lần/năm học;phối kết hợp với nhà trường tham gia công tác lao động, vệ sinh, hỗ trợ công tác tổ chức ăn bán trú cho trẻ. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách của đảng và nhà nước tới một số cha mẹ học sinh còn hạn chế, do cha mẹ trẻ đi làm ăn xa và trình độ nhận thức của cha mẹ học sinh chưa đồng đều. [H4-4.1-02] ; [H4-4.1-03].

Mức 2

BĐDCMTEPhối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như ; Huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu, tham gia hôc trợ tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, trải nghiệm, lao động, làm đồ dùng đồ chơi, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ. [H1-1.1-06]; [H1-1.2-05].

Mức 3

BĐDCMTE đã phối hợp hiệu có quả với nhà trường, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc thực hiện tuyên truyền tu sửa cơ sở vật chất, về công tác ăn bán trú cho trẻ tại trường lớp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, cụ thể: Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phó ban, các thành viên thường trực.BĐDCMTE đã Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, các doanh nghiệp, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em. Như huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, tôn tạo cảnh quan môi trường lớp học. [H4-4.1-03]; [H1-1.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường, các lớp có BĐDCMTE em hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ. BĐDCMTE và nhà trường luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của trường như: Vận động phụ huynh, nhân dân đóng góp ngày công lao động để tu sửa cơ sở vật chất tại các điểm bản, tổ chức các buổi làm đồ dùng đồ chơi tự tạo, đồ chơi ngoài trời như: bập bênh, xích đu, cầu trượt, góc thư viện, chợ quê tại các điểm trường; phối hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động lễ, hội cho trẻ ở trường.

**3. Điểm yếu:** Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách của đảng và nhà nước tới một số cha mẹ học sinh còn hạn chế, do cha mẹ trẻ đi làm ăn xa và trình độ nhận thức của cha mẹ học sinh chưa đồng đều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự trù kinh phí** |
| - Nhà trường tiếp tục duy trì BĐDCMTE em của trường, của mỗi lớp vào mỗi năm học và duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Điều lệ BĐDCMTE  - Nhà trường tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà.  - Chỉ đạo giáo viên tăng cường trao đổi thông tin với phụ huynh để có những biện pháp phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ theo khoa học.  - BĐDCMTE em của trường tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ em tăng mức đóng góp tiền ăn bán trú cho trẻ ở trường nhằm nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ ở trường đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo khuyến nghị của các độ tuổi trong năm học 2023-2024, tuyên truyền, vận động các bậc phụ huynh tham gia đầy đủ các buổi họp để nắm bắt được các nội dung hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về công tác xã hội hóa giáo dục.  Tổ chức họp phụ huynh học sinh của các lớp/trường để kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh  Thảo luận và xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh  Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà. | Hiệu trưởng,  Gv,  Phụ huynh,  BĐDCMTE  BĐDCMTE,  Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, GV.  quản lý, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp  Ban đại diện cha mẹ học sinh  Ban đại diện cha mẹ học sinh | Tổ chức họp phụ huynh hoặc tuyên truyền  Kế hoạch hoạt động của ban BĐDCMTE  Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh  Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh  Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh | Năm học 2023- 2024 và trong những năm học tiếp theo.  Năm học 2023-2024  Năm học 2023-2024  Năm học 2023-2024 | Không dự trù kinh phí |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

*Mức 1*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

*Mức 2*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

*Mức 3*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường đã chủ động làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương trong công tác xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường như: Xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.2-05].

Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, ngành giáo dục mầm non, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón, trả trẻ hàng ngày; [H1-1.1-06].

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho nhà trường được 900.000.000 đồng, trong đó huy động 630.000.000 đồng và huy động trên 1800 ngày công lao để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường tại trung tâm và 06 điểm trường như: xây tường bao, sơn các lớp học, làm đường lên trung tâm trường; Dự án Nuôi em hỗ trợ trẻ không được chế độ hỗ trợ của nhà nước trong 05 năm là 270.000.000 đồng. Nhà trường đã phối hợp có hiệu quả với các tổ chức , đoàn thể, cá nhân để huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp về kinh phí để xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất của nhà trường, trong đó. Năm học 2023- 2024 nhà trường được Tổ chức SOS tu sửa đường lên trường, vườn hoa tại điểm trung tâm [H1-1.2-05]. Nhà trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc huy động kinh phí từ các cha mẹ học sinh để tu sửa cơ sở vật chất cho nhà trường, do kinh tế của nhân dân trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn

Mức 2

Nhà trường đã tích cực tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện c phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển; của nhà trường qua các năm học và theo giai đoạn [H1-1.1-01].

Xây dựng kế hoạch Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. [H4-4.2-01].

Mức 3

Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.[H1-1.2-05]

**2. Điểm mạnh**

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho nhà trường được 900.000.000 đồng, trong đó huy động 630.000.000 đồng và huy động trên 1800 ngày công lao để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường tại trung tâm và 06 điểm trường như: xây tường bao, sơn các lớp học, làm đường lên trung tâm trường; Dự án Nuôi em hỗ trợ trẻ không được chế độ hỗ trợ của nhà nước trong 05 năm là 270.000.000 đồng

**3. Điểm yếu:** Nhà trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc huy động kinh phí từ các cha mẹ học sinh để tu sửa cơ sở vật chất cho nhà trường. Nguyên nhân: do kinh tế của nhân dân trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự trù kinh phí** |
| - Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng chiến lược, phương hướng và kế hoạch phát triển nhà trường dài hạn, trung hạn, ngắn hạn. đặc biệt là ở bản Pá Chuông có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.  - Tiếp tục thực hiện các giải pháp tuyên truyền, phối kết hợp với ĐTNCSHCM xã, công an xã, hội phụ nữ xã, trưởng bản… huy động trẻ ra lớp, đi học chuyên cần, chăm sóc sức khỏe cho trẻ, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường học…  - Huy động thêm nhiều nguồn lực đóng góp để xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, phấn đấu được UBND huyện công nhận là đơn vị có đời sống văn hóa, trường học hạnh phúc.  Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường  Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo  Tăng cường công tác tuyên truyền tới cha mẹ học sinh tích cực tham gia phối hợp cùng nhà trường trong các hoạt động tổ chức lễ hội, trải nghiệm cho trẻ phù hợp với truyền thống của địa phương. | Hiệu trưởng,  GV,  Phụ huynh  UBND xã.  Cán bộ quản lý  Cán bộ quản lý  CBQL, GV, Cha mẹ trẻ | Kế hoạch của nhà trường cần tham mưu với UBND xã về việc tuyên truyền, vận động, phối kết hợp với các tổ chưc, cá nhân trên địa bàn để xây dựng trường ngày một phát triển.  Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể  Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền  Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học | Thực hiện trong năm học 2023-2024 và trong những năm tiếp theo  Năm học 2023-2024  Trong các năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo  Năm học 2023-2024  Năm học 2023-2024 | Không dự trù kinh phí  Không  Không  Không  Không |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

**Kết luận tiêu chuẩn 4**

BĐDCMTE được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BG&ĐT ngày 22/11/2011, có Kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường, các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc cha mẹ trẻ; tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường. Nhà trường đã tham mưu cho cấp ủy Đảng chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng năm học và theo giai đoạn. Xây dựng quy mô trường lớp, chất lượng CSGD trẻ. Xây dựng kế hoạch phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

*Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 2 tiêu chí*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 2/2 tiêu chí;*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 2: 2/2 tiêu chí;*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 3: 2/2 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

**5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu**

Công tác tổ chức nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong trường mầm non là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường góp phần hoàn thành những mục tiêu lớn của ngành, của trường đề ra. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo GV lập kế hoạch và thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN theo quy định của BGD&ĐT đồng thời công tác bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ GV, NV là nhiệm vụ cần thiết trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển các lĩnh vực: Thể chất; nhận thức; ngôn ngữ; thẩm mỹ; tình cảm xã hội kỹ năng. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày một nâng cao, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ngày một giảm. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường đạt ở mức cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi đi học được đánh giá là đạt các mục tiêu giáo dục của độ tuổi và hoàn thành chương trình GDMN.

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình GDMN**

Mức 1:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

*a) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Căn cứ chương trình giáo dục nhà trường được phát triển từ chương trình GDMN do BGD&ĐTban hành, GV các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ em theo năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, phù hợp với nhu cầu và khả năng nhận thức của trẻ. Các mục tiêu được xây dựng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp phù hợp với nhận thức của trẻ; quan tâm lựa chọn các bài hát, bài thơ, câu chuyện, các sự vật, hiện tượng, sự kiện… gần gũi xung quanh trẻ để đưa vào xây dựng kế hoạch theo chủ đề phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu khám phá của trẻ. Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch đã xây dựng đảm bảo mục tiêu, nội dung, phương pháp [H1-1.5-02]; [H5-5.1-01].

Căn cứ vào chương trình GDMN của BGD&ĐT, căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, căn cứ tình hình thực tế nhà trường, của địa phương và đặc điểm phát triển của trẻ để xây dựng kế hoạch giáo dục nhóm, lớp. Các mục tiêu đực xây dựng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp và lồng vào các hoạt động trong ngày. Kế hoạch được thảo luận thống nhất trước khi chỉ đạo các tổ triển khai thực hiện [H5-5.1-01].

Nhà trường đã tổ chức kiểm tra định kỳ 3 lần/năm đối với chương trình giáo dục nhà trường, sau mỗi chủ đề đều tổ chức đánh giá kết quả thực hiện chương trình: GV trực tiếp đánh giá các mục tiêu, nội dung nào phù hợp mục tiêu, nội dung nào chưa phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng của trẻ từ đó có kế hoạch điều chỉnh kịp thời [H1-1.2-05].

Mức 2

Căn cứ vào chương trình giáo dục nhà trường, các lớp đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đảm bảo chất lượng ở các độ tuổi theo quy định. 100% các lớp thực hiện tốt nội dung chương trình đảm bảo tiến độ theo kế hoạch được nhà trường phê duyệt [H1-1.5-02]; [H1-1.1-02].

Nhà trường đã phát triển Chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành: Trên cơ sở thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá chương trình giáo dục nhà trường trước khi đưa vào thực hiện. Kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp phù hợp với tình hình văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.2-05].

Mức 3

Nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình GDMN theo kế hoạch xây dựng dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm của trẻ ở các độ tuổi phù hợp với văn hóa của địa phương. Tuy nhiên nhà trường chưa có điều kiện tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.1-07].

Hằng năm nhà trường đã tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ 3 lần/năm đối với chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.5-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã căn cứ vào chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT lựa chọn mục tiêu, nội dung để xây dựng chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện của nhà trường, của nhóm lớp, đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Triển khai thực hiện các quy định về chuyên môn theo các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của phòng GD&ĐT Huyện Mường Nhé phù hợp với thực tế của nhà trường. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non từ đó kịp thời điều chỉnh bổ sung mục tiêu nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu:** Nhà trường chưa có điều kiện tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới để xây dựng chương trình giáo dục nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| - Nhà trường tiếp tục xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường, GV xây dựng thành kế hoạch của lớp hiệu quả, phát triển chương trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và trẻ tại nhóm, lớp căn cứ vào Chương trình GDMN quốc gia do BGD&ĐT ban hành | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng, GV | Kế hoạch, chỉ đạo | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | KhôngDự kiến kinh phí |
| - Hằng năm nhà trường thực hiện đánh giá chất lượng, hiệu quả của chương trình giáo dục nhà trường làm căn cứ để GV các lớp điều chỉnh kế hoạch giáo dục trẻ em cho phù hợp. | Hiệu trưởng, Phó hiệu, Tổ trưởng, GV | CTGDMN; Bồi dưỡng chuyên môn CBQL, GV |
| - Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình Giáo dục nhà trường ở các điểm trường lẻ, các lớp mẫu giáo ghép và các nhóm trẻ. | Hiệu trưởng, Phó hiệu Tổ trưởng, GV | Bồi dưỡng chuyên môn, học tập, nghiên cứu |
| - Tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương. | Hiệu trưởng, Phó hiệu, tổ trưởng, GV | Kế hoạch, chỉ đạo |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

Mức 1:

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 3:

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

GV các lớp vận dụng thực hiện linh hoạt các phương pháp trong tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục; trình độ, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường không áp đặt dập khuôn máy móc, các phương pháp giáo dục như: Phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phương pháp dạy học tích cực [H1-1.1-02]; [H1-1.5-02].

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung các độ tuổi GV tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, tạo điều kiện tốt nhất để trẻ được vui chơi, trải nghiệm cụ thể như: Trong lớp tổ chức các hoạt động cho trẻ làm sách truyện, album về trang phục, nghề truyền thống của địa phương, các trò chơi thí nghiệm sáng tạo; ngoài trời tổ chức cho trẻ trải nghiệm tại góc thiên nhiên, góc chợ quê; làm các loại bánh, các đồ dùng đan nát bằng mây, tre đơn giản của địa phương, trải nghiệm các ngày lễ hội, các trò chơi quen thuộc, gần gũi như: Ném pao, múa khèn, nhảy sạp [H4-4.2-01]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

GV các nhóm/lớp tổ chức linh hoạt các hoạt động giáo dục dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với đặc điểm của nhóm/lớp, của trẻ em và điều kiện thực tế như thông qua các hoạt động chơi, học, lao động, vệ sinh. Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ, hội thi như: Khai giảng, kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, vui tết trung thu, hội thi “Bé khỏe bé ngoan”, “Tiếng hát trẻ thơ”, Ngày hội Bánh Trưng xanh, trẻ được hoạt động, khám phá, thực hành trải nghiệm góc chợ quê, khu vận động, góc thiên nhiên [H4-4.2-01]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Mức 2

Các nhóm/lớp thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện của nhà trường như: Thông qua các ngày lễ, ngày hội trẻ được trải nghiệm với nhiều hoạt động khác nhau sau đó được thưởng thức sản phẩm của mình làm ra. Tại khu vực góc thiên nhiên trẻ được tập làm bác nông dân xới đất, gieo hạt, trải nghiệm với đất, nước...[H5-5.2-01]; [H1-1.2-05].

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “học mà chơi, chơi bằng học” như: Trong lớp bố trí, sắp xếp các góc phù hợp, trang trí bằng những hình ảnh đẹp, gần gũi, màu sắc bắt mắt, các đồ dùng đồ chơi phong phú, đa dạng, đảm bảo an toàn khi trẻ hoạt động, tích cực tổ chức các hoạt động cho trẻ được tự mình trải nghiệm, tìm tòi, khám phá và tạo ra các sản phẩm đơn giản của riêng mình bằng những nguyên vật liệu dễ kiếm từ thiên nhiên như lá cây, hột hạt, bìa màu; ngoài trời tổ chức cho trẻ trải nghiệm tại góc thiên nhiên, góc chợ quê, trải nghiệm các ngày lễ hội, các trò chơi quen thuộc, gần gũi, thăm quan nhà sàn [H1-1.2-05]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường chỉ đạo GV thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với trẻ và điều kiện nhà trường. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động lễ hội, cho trẻ được hoạt động, thực hành trải nghiệm qua các khu chợ quê, khu vận động, chăm sóc góc thiên nhiên của bé, tham gia hoạt động tập làm người lớn qua hoạt động góc hàng ngày.

GV các nhóm lớp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo hướng "lấy trẻ làm trung tâm", các hình thức giáo dục trẻ được sử dụng linh hoạt, đa dạng ở các nhóm lớp.

Xây dựng môi trường giáo dục theo hướng mở tạo điều kiện cho trẻ em được vui chơi, được học tập và khám phá thế giới xung quanh, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

**3. Điểm yếu**: Nhà trường chưa tổ chức được môi trường giáo dục phong phú, cách tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm chưa đạt kết quả cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục chỉ đạo CBQL, GV phối hợp với cha mẹ trẻ em tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho trẻ em có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm. | CBQL, GV, cha mẹ trẻ em | Kế hoạch | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Huy động hội cha mẹ trẻ em, ngân sách nhà nước |
| Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn cho CBQL lý, GV để nâng cao việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thực hành, trải nghiệm. | CBQL, tổ trưởng, GV, cha mẹ trẻ | Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe**

Mức 1:

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*Mức 3:

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Hằng năm nhà trường phối hợp với trạm y tế xã tổ chức kiểm tra khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm, tiêm phòng và uống vitamin A, tẩy giun, tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh, phối hợp cân đo chiều cao, cân nặng cho trẻ [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

100% trẻ đến trường được kiểm tra và khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học. Cân, đo và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng théo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường 159/170 trẻ đạt 93,5%, cân nặng phát triển bình thường 159/170 trẻ đạt 93,5% [H5-5.3-03].

100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý. Thường xuyên trao đổi với phụ huynh chú trọng hơn khẩu phần ăn tai nhà cho. Tính đến thời điểm đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-04].

Mức 2

Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua cuộc họp cha mẹ trẻ [H5-5.3-05]; [H1-1.6-05]. Tuyên truyền, hướng dẫn cho cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng, VSATTP, vệ sinh phòng bệnh theo mùa, các bệnh truyền nhiễm, tuyên truyền về khẩu phần ăn và định lượng của trẻ theo quy định GDMN [H1.1-03].

Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo, cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ; xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi đảm bảo 1 bữa chính và 1 bữa phụ, thực đơn được xây dựng theo ngày, tuần, theo mùa [H1-1.6-05].

100% trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Chế độ ăn hàng ngày của trẻ được đảm bảo cân đối theo 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo tỷ lệ calo, GV quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy. Tình trạng trẻ bị suy dinh dưỡng được cải thiện rõ rệt [H5-5.3-01]; [H5-5.3-04].

Mức 3

Trong 5 năm, 100% trẻ của trường được cân, đo và khám sức khoẻ đinh kỳ. Năm học 2022-2023 nhà trường có 93,5% trở lên trẻ em khoẻ mạnh, có chiều cao cân nặng phát triển bình thường. Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 6,5%, chiều cao bình thường đạt 93,5%, Suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm dưới 6,5% [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với trạm y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ*,* cân đo về chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 93,5% tính đến thời điểm đánh giá ngày 30/10 tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn 6,5%. Nhà trường đã xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Hằng năm, nhà trường đã tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ và người giám hộ về nội dung chăm sóc sức khoẻ, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

**3. Điểm yếu**: Tính đến thời điểm đánh giá ngày 30/10 nhà trường vẫn còn trẻ Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 6,5%, chiều cao bình thường đạt 93,5%, Suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm dưới 6,5%.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| - Tiếp tục phối hợp với Trạm Y tế xã để theo dõi, tư vấn và khám sức khỏe cho trẻ theo quy định. | Phó hiệu trưởng, NV y tế, trạm y tế xã, GV | Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |
| - Xây dựng thực đơn cho trẻ khoa học hơn để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng cho trẻ và phù hợp với thực tế của địa phương. | Không dự kiến kinh phí |
| - Làm tốt công tác tuyên truyền về nuôi dạy con theo khoa học với những hình thức và nội dung phong phú hơn nữa. Phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác chăm sóc sức khoẻ trẻ mầm non để giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng. | Kế hoạch y tế trường học | Không dự kiến kinh phí |
| - Nhà trường theo dõi, quan tâm đến trẻ suy dinh dưỡng và có kế hoạch trẻ suy dinh dưỡng, cân đo hàng tháng, có kế hoạch điều chỉnh chế độ ăn cho trẻ suy dinh dưỡng. | Các công văn hướng dẫn thực hiện VSATTP | Không dự kiến kinh phí |
| - Phối hợp với Hội Phụ nữ xã tuyên truyền về việc chăm sóc sức khỏe, giữ vệ sinh cá nhân, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ khi ở nhà. | Kế hoạch y tế trường học | Không dự kiến kinh phí |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã kết hợp với các ban, ngành, trưởng bản của địa phương để tuyên truyền vận động trẻ em trong độ tuổi ra lớp nâng cao tỉ lệ chuyên cần của nhà trường. Các GV tham gia vào các buổi họp cha mẹ trẻ, các buổi họp bản để huy động trẻ ra lớp từ độ tuổi nhà trẻ đến độ tuổi mẫu giáo, xong tham gia họp chủ yếu là ông bà trẻ ( do bố mẹ trẻ đi làm ăn xa ); hằng năm tỷ lệ ra lớp chuyên cần của nhà trường đạt trên 95% [H1-1.5-01].

Năm học 2022-2023 nhà trường có tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% [H1-1.6-02].

Năm học 2019-2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập. Hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em khuyết tật học hòa nhập được thực hiện theo kế hoạch giáo dục cá nhân, áp dụng theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT, ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật [H1-1.5-03].

Mức 2

GV thực hiện tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng địa phương huy động trẻ ra lớp đảm bảo tỷ lệ chuyên cần. Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 97% trở lên, Tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt 95% [H1-1.5-01].

Hàng năm, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-01].

Năm học 2019-2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập, có đầy đủ hồ sơ khuyết tật, được theo dõi, đánh giá có sự tiến bộ đạt 100%. Từ năm học 2020 - 2021 đến nay nhà trường không có trẻ khuyết tật. [H1-1.5-03].

Mức 3

Hàng năm tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% [H1-1.6-02].

Năm học 2019 -2020 nhà trường có 1 trẻ khuyết tật học hòa nhập, có đầy đủ hồ sơ khuyết tật được theo dõi, đánh giá có sự tiến bộ đạt 100% [H1-1.5-03].

**2. Điểm mạnh**

Năm học 2023 -2024 nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền duy trì nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần. Hàng năm tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 97% trở lên, tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt 95% trở lên, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 100%.

**3. Điểm yếu**: do tình hình thực tế địa phương, bố mẹ trẻ đi làm ăn xa, trẻ chủ yếu ở cùng ông bà, nên việc kết hợp với phụ huynh để tăng tỷ lệ chuyên cần còn chưa đạt mục tiêu đề ra.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian TH** | **DK kinh phí** |
| - Nhà trường tiếp tục tuyên truyền huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu UBND huyện giao. | CBQL, tổ trưởng, GV | QĐ giao biên chế số lớp, số trẻ em hàng năm. | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không dự kiến kinh phí |
| - Nhà trường tiếp tục chỉ đạo GV thực hiện tốt công tác CSGD trẻ. Tích cực tuyên truyền vận động cha mẹ trẻ cho trẻ đi học chuyên cần; tuyên truyền với cha mẹ trẻ tạo mọi điều điều kiện để trẻ khuyết tật được học hòa nhập, học tập vui chơi, phấn đấu đạt được mục tiêu giáo dục. | Phó hiệu trưởng, tổ trưởng, GV | Kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập. |
| - Phối hợp với trưởng các bản, Hội Phụ nữ xã, ĐTNCSHCM xã, Hội Cựu giáo chức xã..... để tuyên truyền cha mẹ trẻ quan tâm cho trẻ đi học chuyên cần, quan tâm hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt học hòa nhập tại trường. | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, GV | Quy chế phối hợp chăm sóc sức khỏe trẻ |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

Trẻ đến trường được cân đo, theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. 100% trẻ đến trường bị suy dinh dưỡng, thấp cói được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng, thấp còi của trẻ.

Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 97%, trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 95%, 100% các lớp thực hiện Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục ban hành đảm bảo theo quy định. Hằng năm trẻ 5 tuổi hằng năm đều đánh giá hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%, trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập tại trường được đánh giá có tiến bộ đạt 100%.

*Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 5: 4 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 4/4 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 2: 4/4 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 3: 3/4 tiêu chí.*

*+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1:**

*Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức của trẻ em, văn hóa địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục và góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi. Tuy nhiên nhà trường chưa tham khảo, áp dụng các quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình Giáo dục nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức của trẻ em, văn hóa địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục và góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa phát triển Chương trình giáo dục mầm non của BGD&ĐT trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với địa phương . Cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới vào điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương. | CBQL, GV | Trong các năm học | Không |
| Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế. | CBQL, GV | Trong các năm học | Không |
| Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của trẻ, nhà trường và địa phương. | Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán. | Năm học 2023-2024 | Không |
| Tổ chức các buổi sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn chú trọng nội dung đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm. | Cán bộ quản lý, giáo viên | Năm học 2023-2024 | Không |
| Đưa nội dung kiểm tra việc thực hiện chương trình giáo dục trẻ em, KH giáo dục của nhóm lớp vào KH kiểm tra nội bộ của nhà trường theo từng năm học, đặc biệt là việc thực hiện chương trình giáo dục nhà trường ở các độ tuổi nhằm tư vấn, hỗ trợ GV trong quá trình thực KH giáo dục trẻ em. | Cán bộ quản lý, giáo viên | Năm học 2023-2024 | Không |
| Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo có tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. | Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn giáo viên cốt cán | Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo | Không |
| Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng kiến thức về phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước để áp dụng vào thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi | Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán. | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo. | Không |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 2:**

*Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Năm học 2019-2020 xếp loại tốt 05/18 đạt 28%, xếp loại khá 13/18 đạt 72%, xếp loại đạt 0 chiếm 0%. Năm học 2020-2021 xếp loại tốt 04/17 đạt 23,5%, xếp loại khá 09/17 đạt 53%, xếp loại đạt 4/17 chiếm 23,5%; Năm học 2021-2022 xếp loại tốt 7/16 đạt 44%, xếp loại khá 9/16 đạt 56%, xếp loại đạt 0/16 chiếm 12%. Năm học 2022-2023 có 05/16 giáo viên xếp loại tốt đạt 31,2%, xếp loại khá 9/16 đạt 56,2%, xếp loại đạt 02/16 đạt 12,5% [H1-1.1-01].

Hàng năm, nhà trường đánh giá chất lượng giáo viên qua công tác kiểm tra nội bộ trường học, hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Trong năm học 2021-2022, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá 62,5% và năm học 2022-2023 tỷ lệ giáo viên xếp loại tốt đạt 31,2%, xếp loại khá 09/16 đạt 62,5%.

**3. Điểm yếu:**

Trong các năm học từ năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023, tỷ lệ giáo viên xếp loại tốt theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non còn ở mức thấp, cụ thể: Năm học 2019-2020 xếp loại tốt 02/16 đạt 12,5%; một số giáo viên trẻ mới ra trường khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ còn hạn chế.

**3. Kế hoạch cải tiến**[**chất lượng**](https://tailieuthamkhao.com/category/chat-luong)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. | Cán bộ quản lý,  Giáo viên | Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2016 quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non | Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không |
| Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của GV mầm non theo các tiêu chuẩn về chuẩn nghề nghiệp GV mầm non và bồi dưỡng thường xuyên GV mầm non. | Cán bộ quản lý,  Giáo viên | Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019; Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2016 | Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không |
| Tăng cường tự học tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho GV. | Giáo viên | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng năm. | Năm học 2023-2024 và năm học tiếp theo. | Không |
| Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học nhằm đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên trong nhà trường. | Cán bộ quản lý,  Giáo viên | Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học | Trong năm học 2023-2024 | Không |
| Tiếp tục tổ chức tốt Hội thi giáo viên giỏi cấp trường theo quy định để nâng cao chất lượng chuyên môn cho giáo viên của nhà trường. | Cán bộ quản lý,  Giáo viên | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học;  Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT. | Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo. | Không |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 3:**

*Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi gồm: Sân tập thể dục, sân vườn của nhà trường có khu đất để trẻ em tập trồng trọt, chăm sóc; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ em được khám phá, trải nghiệm, có chậu rửa tay, cụ thể: tổng diện tích sân vườn 2.288m2 đảm bảo theo quy định cụ thể: Trung tâm trường có tổng diện tích sân vườn 600 m2, diện tích sử dụng bình quân 12,2m2/trẻ; điểm trường Co hả có tổng diện tích sân vườn 62m2, diện tích sử dụng bình quân 4,8m2/trẻ; điểm trường bản bó có tổng diện tích sân vườn 183m2, diện tích sử dụng bình quân 22,8m2/trẻ; điểm trường pá chuông có tổng diện tích sân vườn 45m2, diện tích sử dụng bình quân 3,75m2/trẻ; điểm trường Trung phu có tổng diện tích sân vườn 758m2, diện tích sử dụng bình quân 19m2/trẻ, điểm trường Hò cớ có tổng diện tích sân vườn 520m2, diện tích sử dụng bình quân 15,8m2/trẻ; điểm trường Tìa ló có tổng diện tích sân vườn 120m2, diện tích sử dụng bình quân 8,6m2/trẻ; Sân vườn của nhà trường có bố trí khu đất để trẻ tập trồng trọt, chăm sóc giúp trẻ em phát triển toàn diện. Tuy nhiên, sân vườn và khu vực cho trẻ chơi chưa đạt chuẩn theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non; nhà trường chưa có khu vui chơi giao thông cho trẻ; sân chơi chung ngoài trời chưa có đường chạy dài và bể vầy nước.. [H3-3.1-01]; [3.1-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi gồm: Sân tập thể dục; sân vườn của nhà trường có khu đất để trẻ em tập trồng trọt, chăm sóc; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ em được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ em phát triển toàn diện.

**3. Điểm yếu**: Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi chưa đạt chuẩn theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non; nhà trường chưa có khu vui chơi giao thông cho trẻ; sân chơi chung ngoài trời chưa có đường chạy dài và bể vầy nước.

**4. Kế hoạch cải tiến**[**chất lượng**](https://tailieuthamkhao.com/category/chat-luong)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác bảo quản, sử dụng có hiệu quả khu sân vườn và các khu vực chơi hiện có. | Cán bộ quản lý,  giáo viên, nhân viên | Kế hoạch phát triển nhà trường | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không |
| Nhà trường tiếp tục cải tạo, bố trí các khu vực sân chơi, sân vườn và các góc chơi, trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Kế hoạch | Năm học  2023-2024 và các năm tiếp theo | 100.000.000 đồng |
| Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác bảo quản, sử dụng có hiệu quả khu sân vườn và các khu vực chơi hiện có. | Cán bộ quản lý  giáo viên, nhân viên | Kế hoạch phát triển nhà trường | Năm học 2023-2024 | Không |
| Tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên Đông nâng xây dựng đường chạy dài, bể vầy nước. | Cán bộ quản lý | Tờ trình;  Kế hoạch vận động tài trợ | Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo | 50.000.000 đồng |
| Nhà trường tiếp tục cải tạo, bố trí các khu vực sân chơi, sân vườn và các góc chơi, trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế của trường. | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch trung hạn | Năm học  2023-2024 và các năm tiếp theo | 150.000.000 đồng |
| Nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để làm khu vui chơi giao thong, đường chạy, hố cát và bể vầy nước phục vụ hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động khám phá trải nghiệm của trẻ. | CBQL,GV, NV | Kế hoạch vận động tài trợ | Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo | 100.000.000 đồng |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 4:**

*100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Toàn trường có 22 phòng, trong đó 05 phòng kiên cố, đạt tỷ lệ 22,7%; chưa có phòng tư vấn tâm lý, có các trang thiết bị phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, xong chưa có trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Nhà trường có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non [3.1-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các trang thiết bị phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ em.

**3. Điểm yếu:**

Nhà trường còn 77,3% các công trình xây dựng bán kiên cố chưa đáp ứng được 100% các công trình được xây dựng kiên cố. Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

**4. Kế hoạch cải tiến**[**chất lượng**](https://tailieuthamkhao.com/category/chat-luong)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên Đông; Đảng ủy, Chính quyền địa phương xã Nong U đầu tư xây mới các công trình kiên cố | Cán bộ quản lý | Kế hoạch; tờ trình xin đầu tư xây dựng cơ sở vật | Năm học 2023  -2024 và các năm học tiếp theo | 2.000.000.000 đồng |
| Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục kêu gọi các mạnh thường quân, nhà hỏa tâm đầu tư xây mới các công trình kiên cố | Cán bộ quản lý | Thư ngỏ | Năm học 2023  -2024 và các năm học tiếp  theo | 500.000. 000 đồng |
| Tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo Điện Biên Đông nâng cấp xây dựng công trình vệ sinh, bếp ăn phòng kiên cố tại các điểm trường. Xây dựng 01 phòng tư vấn tâm lý. | Cán bộ quản lý | Tờ trình | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | 2.000.000.000 đồng |
| Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục kêu gọi các mạnh thường quân, nhà hảo tâm đầu tư xây mới các công trình kiên cố, khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non. | Cán bộ quản lý, giáo viên | Kế hoạch vận động tài trợ của nhà trường | Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo | 1.000.000.000 đồng |

**5. Đánh giá tiêu chí:** Không đạt.

**Tiêu chí 5:**

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trườngvẫn chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường về chỉ tiêu xây dựng cơ sở vật chất, hiện nay số phòng xây dựng kiên cố mới 0 phòng (mục tiêu đến năm 2023 là 15 phòng); 10 nhóm lớp năm học 2023-2024 (mục tiêu năm 2023 là 12 nhóm, lớp), 170 trẻ năm học 2023-2024 (mục tiêu năm 2023 là 190 trẻ); tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,5 (mục tiêu đến năm 2023 là 2,0 giáo viên/lớp; tỷ lệ giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt còn thấp đạt 31,2% năm học 2022-2023 (mục tiêu năm 2023 là 35%); tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp 35% (mục tiêu đến năm 2023 là 57,1%) [H1-1.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Tiêu chí này nhà trường không có điểm mạnh.

**3. Điểm yếu**:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trườngvẫn chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường về chỉ tiêu xây dựng cơ sở vật chất, hiện nay số phòng xây dựng kiên cố mới 0 phòng (mục tiêu đến năm 2023 là 15 phòng); 10 nhóm lớp năm học 2023-2024 (mục tiêu năm 2023 là 12 nhóm, lớp), 170 trẻ năm học 2023-2024 (mục tiêu năm 2023 là 190 trẻ); tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,5 (mục tiêu đến năm 2023 là 2,0 giáo viên/lớp; tỷ lệ giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt còn thấp đạt 31,2% năm học 2022-2023 (mục tiêu năm 2023 là 35%); tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp 35% (mục tiêu đến năm 2023 là 57,1%).

**3. Kế hoạch cải tiến**[**chất lượng**](https://tailieuthamkhao.com/category/chat-luong)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Trong năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo nhà trường tích cực tham mưu Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên Đông với Đảng ủy, chính quyền địa phương đầu tư kinh phí xây dựng phòng tin học, ngoại ngữ, phòng tư vấn tâm lý, CBGVNV tích cực làm tốt công tác XHHGD huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân hỗ trợ nhà trường về CSVC. | Cán bộ  quản lý | Xây dựng các  giải pháp chiến lược phát triển của nhà trường cho những giai  đoạn tiếp theo. | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | 500.000.000đ |
| Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phương hướng chiến lược nhà trường. | Cán bộ  quản lý, giáo viên | Kế hoạch ngắn hạn, trung hạn | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không |
| Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược của nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong hội đồng trường, CBQL, GV, NV, CMTE và cộng đồng. | Cán bộ  quản lý, giáo viên | Tổ chức rà soát điều chỉnh bổ sung KH | Năm học 2023- 2024 và các năm học tiếp theo | Không |
| Tiếp tục điều chỉnh và xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 đưa mục tiêu xin mở rộng quỹ đất tại trung tâm trường; xin đầu tư công trình kiên cố theo lộ trình cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. | Cán bộ  quản lý | Kế hoạch phát triển nhà trường (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn) | Từ năm học 2024-2025; đến năm học 2029- 2030 | 3.000.000.000 đồng |

**5. Tự đánh giá tiêu chí:** Không đạt

**Tiêu chí 6:**

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong 05 năm liên tiếp đều đạt chỉ tiêu, kế hoạch của UBND huyện Điện Biên Đông giao hằng năm, trong 02 năm học, năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 kết quả chất lượng giáo dục của nhà trường đã đạt 96%; với những kết quả đã được về chất lượng giáo dục và các hoạt động khác, nhiều năm liền nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen (năm học 2018- 2019, 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023). Trong 05 năm học từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 nhà trường được UBND tỉnh công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và 03 năm học (2018- 2019; 2020- 2021; 2022- 2023) nhà trường được UBND tỉnh tặng bằng khen.

**2. Điểm mạnh**

Trong 05 năm liên tiếp đều đạt chỉ tiêu, kế hoạch của UBND huyện Điện Biên Đông giao hằng năm, trong 02 năm học, năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 kết quả chất lượng giáo dục của nhà trường đã đạt 96%; với những kết quả đã được về chất lượng giáo dục và các hoạt động khác, nhiều năm liền nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen (năm học 2018- 2019, 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023). Trong 05 năm học từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 nhà trường được UBND tỉnh công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và 03 năm học (2018- 2019; 2020- 2021; 2022- 2023) nhà trường được UBND tỉnh tặng bằng khen.

**3. Điểm yếu**: Nhà trường chưa đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến**[**chất lượng**](https://tailieuthamkhao.com/category/chat-luong)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Nhân lực thực hiện** | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| Nhà trường huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non | Cán bộ quản lý và tổ trưởng, giáo viên trực tiếp đứng lớp, nhân viên y tế | Kế hoạch tuyển sinh năm học; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học | Năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo |
| Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ trẻ chuyên cần. | Cán bộ quản lý và giáo viên trực tiếp đứng lớp, nhân viên y tế của nhà trường | Kế hoạch tuyển sinh năm học; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học | Năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo |
| Trong năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo nhà trường phát huy những kết quả đã đạt được cán bộ quản lý cùng với đội ngũ giáo viên nhân viên tập trung huy động mọi nguồn lực về con người, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo theo quy định đề nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ để đạt kết quả giáo dục vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng. | Cán bộ quản lý và giáo viên, cha mẹ học sinh | Kế hoạch tuyển sinh năm học; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học | Năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo |

**5. Tự đánh giá tiêu chí:** Không đạt

**Kết luận về đánh giá tiêu chí mức 4:**

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức của trẻ em, văn hóa địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục và góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi.

Trong năm học 2021-2022, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá 53% và năm học 2022-2023 tỷ lệ giáo viên xếp loại tốt đạt 31,2%, xếp loại khá 22/28 đạt 56,2%.

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi gồm: Sân tập thể dục; sân vườn của nhà trường có khu đất để trẻ em tập trồng trọt, chăm sóc; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ em được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ em phát triển toàn diện.

Nhà trường có các trang thiết bị phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ em.

Kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường trong 5 năm liên tiếp đều đạt chỉ tiêu, kế hoạch của UBND huyện Điện Biên Đông giao hằng năm, với những kết quả đã được về chất lượng giáo dục và các hoạt động khác, nhiều năm liền nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen (năm học 2018- 2019, 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023); Năm học 2018-2019 trường UBND tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc; năm học 2019-2020 và năm học 2021-2022 nhà trường được UBND tỉnh công nhận tập thể lao động xuất sắc và tặng bằng khen; năm học 2022-2023 nhà trường vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

Nhà trường chưa phát triển Chương trình giáo dục mầm non của BGD&ĐT trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

Trong các năm học từ năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023, tỷ lệ giáo viên xếp loại tốt theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non còn ở mức thấp, cụ thể: Năm học 2019-2020 xếp loại tốt 05/18 đạt 28%; năm học 2020-2021 xếp loại tốt 04/17 đạt 23,5%; năm học 2021-2022 xếp loại tốt 7/16 đạt 44%; năm học 2022-2023 xếp loại tốt đạt 5/16 đạt 31,2%; một số giáo viên trẻ mới ra trường khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ còn hạn chế.

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi chưa đạt chuẩn theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non; nhà trường chưa có khu vui chơi giao thông cho trẻ; sân chơi chung ngoài trời chưa có đường chạy dài và bể vầy nước.

Nhà trường còn 77,3% các công trình xây dựng bán kiên cố chưa đáp ứng được 100% các công trình được xây dựng kiên cố. Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Chưa có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trườngvẫn chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường về chỉ tiêu xây dựng cơ sở vật chất, hiện nay số phòng xây dựng kiên cố mới 05 phòng (mục tiêu đến năm 2023 là 15 phòng); 10 nhóm lớp năm học 2023-2024 (mục tiêu năm 2023 là 12 nhóm, lớp), 170 trẻ năm học 2023-2024 (mục tiêu năm 2023 là 190trẻ); tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,5 (mục tiêu đến năm 2023 là 2,0 giáo viên/lớp; tỷ lệ giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt còn thấp đạt 31,2% năm học 2022-2023 (mục tiêu năm 2023 là 35%); tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp 35% (mục tiêu đến năm 2023 là 57,1%).

Nhà trường chưa đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

* *Tổng số tiêu chí đánh giá: 06*

*+ Số tiêu chí đạt mức 4: 0/6 tiêu chí tỷ lệ 0%*

*+ Số tiêu chí không đạt mức 4: 6/6 tiêu chí tỷ lệ 100%*

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Trong 5 năm từ năm học 2019-2020 đến nay. Trường mầm non Sư Lư đã có những bước phát triển nổi bật. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung, nhà trường có khuôn viên khang trang môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện.

Đội ngũ CB, GV của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 100% cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình GDMN theo quy định của BGD&ĐT, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả CSGD trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền địa phương, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Ngành, của Đảng uỷ Chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh của nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua, với bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường mầm non được BGD&ĐT ban hành Trong quá trình thực hiện công tác tự đánh giá nhà trường đã nghiêm túc và tuân thủ các bước theo quy trình tự đánh giá, sử dụng toàn bộ dữ liệu và phân tích, đánh giá một cách trung thực, khách quan, bám sát nội hàm các chỉ báo, tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục mầm non, kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

*- Số tiêu chí đạt yêu cầu*

+ Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt ở mức 1: 25/25 đạt 100%

+ Số lượng và tỷ lệ tiêu chí không đạt ở mức 1: 0% đạt 0%

+ Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt ở mức 2: 25/25 đạt 100%

+ Số lượng và tỷ lệ tiêu chí không đạt ở mức 2: 0/25% đạt 0%

+ Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt ở mức 3: 5/19 đạt 26,3%

+ Số lượng và tỷ lệ tiêu chí không đạt ở mức 3: 14/19% đạt 73,7%

+ Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt ở mức 4: 2/06 đạt 33%

+ Số lượng và tỷ lệ tiêu chí không đạt ở mức 4: 04/06% đạt 67%

*Số tiêu chí không đạt yêu cầu : 06/06*

- Mức đánh giá của trường mầm non:

Đối chiếu với thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của BGD$ĐT, ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, Trường Mầm non Sư Lư tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trường Mầm non Sư Lư đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả TĐG của nhà trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1./.

**Phần IV**

**PHỤ LỤC**

Có Bảng Danh mục mã minh chứng kèm theo.

*Na son, ngày tháng năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. HĐTĐG**  **CHỦ TỊCH**  **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN SƯ LƯ**  **Lò Thị Linh** |